

Nguyệt san

tiền-phong

hợp tuyển

Tô Thùy Yên * Cung Trầm Tưởng * Nguyễn Ái Lữ *
Trần Xuân Thành * Nguyễn Vũ * Chinh Yên *
Phan Trươc Viên * Nguyễn Thượng Tiến

* Tường Linh

(22 số, 3 năm: 1965, 1966, 1967)



Hai em gái hậu phương trong một buổi đi
thăm các chiến sĩ ở Tổng Y-viện Cộng Hòa

<https://tieuynhiep.org>

SAINT EXUPÉRY đến PHẠM PHÚ QUỐC

HAY

Tại cái chết, một thông điệp



● CUNG-TRÂM-TƯỚNG

QUỐC đã rớt xuống, như một con chim bị đạn trên đường bay về hậu cứ. Có lẽ cái chết đã đến rất mau chóng, và sự đau đớn thê xác, nếu có cảm thấy, chắc cũng đã rất ngắn ngủi. Thế nhưng Quốc đã để lại cho những người đã được hoặc quen biết hoặc nghe nói về Quốc một cái tang dài lê thê. Bởi lúc còn sống, phi công khu trục Phạm phú Quốc đã bắn hạ cho một số đồng quân chúng ở phần đất nước này những tràng đạn nổi dậy căm phẫn. Từ buổi sáng mây mù của một ngày đầu năm 62 ấy, người ta bắt đầu học thuộc lòng ba chữ Phạm phú Quốc, và sự sập đổ của một cánh dinh Độc Lập cũng là sự sập đổ khơi mào ngày càng thâm thương

khốc liệt của một trong những chế độ áp bức tàn nhẫn nhất của lịch sử đất nước.

Không một tiên lệnh rõ ràng nào bắt buộc Quốc phải trở lại họ tống một đội viên và đồng thời xạc kích một mục tiêu phụ không được tiên định, nhất là sau khi đã hoàn thành một phi vụ hiểm trở. Tuy nhiên Quốc vẫn làm hai việc đó, có lẽ vì bị thúc đẩy bởi cái ý muốn vốn có của Quốc là làm phụ trội, quá mức, quá giờ, và một ý thức trách nhiệm chỉ thấy ở những người quên được mình để nghĩ đến người khác. Ý thức này không phải là thứ hỉ xả hay làm thiện kênh kiệu, vì hai tình cảm sau đặt điều kiện tiên

quyết là người giúp đỡ phải sống khác cảnh thế, người giúp đỡ phải đứng trên cao nhìn xuống hay đứng ngoài nhìn vào, là một gương mẫu lạc quan, sáng khoái, cân bình, lành mạnh, có tin điều, trong khi người được giúp đỡ phải là lạc lõng, bơ vơ, thiếu thốn, lâm ly, bệnh hoạn (thể xác hay tinh thần cũng vậy), và, quan trọng hơn thế, phải là khiêm nhường, cam phận, ưa thua thiệt.

Phóng xa thêm chút nữa tầm nhìn của nhận định trên, ta sẽ thấy tình cảm hi xả hay làm thiện, khi bị ngộ nhận là một ý muốn đơn phương, độc chiều. nghĩa là cho đi nhưng không nhận lại, nó không thể không là một tình thương dụng ý, trừu tượng, nếu người ta còn muốn biện hộ và tìm cho nó một đức lý. Dụng ý vì thật ra chỉ là công cụ hay hóa trang của ý chí truyền bá một đạo thuyết nào đó người cho đang thờ phụng và muốn, nhân dịp cho, ký nạp thêm hội viên vào công ty. Trừu tượng vì khởi nguồn từ những ý niệm tuyệt đối nên không thể không đòi hỏi ở người được cho một cố gắng siêu hình tách rời tôi khỏi thân phận tôi lúc này, đang thêm khát ngoài miếng cơm, manh áo, quận bông gòn, những nhu cầu tinh thần không kém cấp

bách và cụ thể là hãy ngừng ỷ lạo an ủi tôi, đề tôi tự chủ lấy qua sự im lặng của người đứng nhìn, đề tôi cảm thấy cũng làm người như hần, có nhân cách, không tội lỗi, không sợ sệt những dọa nạt trá hình, muốn hần phải nhận lại ở tôi sự thật sau: đau khổ, chủ quan và cô đơn là một, hần sẽ làm một việc phi lý, phi thực tại nếu hần cố làm đau khổ bằng tôi lúc này. Ngoài ra, như lịch sử đã cho biết, tình thương dụng ý, trừu tượng nói trên, lộ trần ra, thì chỉ là thứ tình thương hại nổi liền đến những kỷ niệm thiếu não, ô nhục, hãi hùng về những đám đông nổi đuôi nhau đi xin của « làm phúc », « phát chẩn », « bố thí » (tinh thần cũng như vật chất). Một thứ tình đặt không đúng chỗ, không đúng lúc, không đúng hướng, phát sinh ra một ý chí thống trị dựa trên sự phân chia hai đẳng cấp : vị cứu tinh và tên tội phạm, viên sừ giả và con người phạm, kẻ cho và người xin, viên giám đốc trại và người phong hủi.

Nhận định tỉ mỉ vừa xong cũng



là một phần nào định nghĩa bằng đối nghịch ý thức trách nhiệm của Quốc. Ý thức trách nhiệm của một người bằng lòng xông pha nguy hiểm, hứng chịu cái chết để cho đội viên được an toàn bay về hậu cứ. Cũng như của Guillaumet trong Terre des Hommes của Saint Exupéry, viên hoa tiêu bị nạn trong vùng núi Andes. Dù mang thương tích nặng, hấn vẫn cố lết xuống chân núi, hy vọng ở đó người ta dễ tìm được xác hấn, vì hấn nghĩ vợ hấn chỉ có thể lãnh được tiền bảo hiểm nếu hội đủ những bằng chứng cụ thể về cái chết của chồng, như xác chồng chẳng hạn. Trên quãng đường khổ hạnh và bết máu ấy của hấn, hấn luôn luôn tự nhủ : « Tao là một thằng chó má nếu tao không lết được xuống tận dưới chân núi kia ». Chúng ta không được biết Quốc nói gì về bốn phận làm người của Quốc, bởi Quốc vốn khiêm tốn, ít nói, nhưng lối sống và cách chết của Quốc hàm chứa đủ ý nghĩa một thông điệp tương tự như của Guillaumet. Ý thức trách nhiệm của Quốc là một tình cảm sáng suốt, hình thành từ một tình bạn cường tráng giữa hai người đã nhiều lần bay sát cánh với nhau, giữa hai đồng nghiệp đã sống với nhau những

cảm giác tốt độ như sợ hãi, âu lo, hồi hộp, mừng quýnh, đơn độc, tang tóc, đờn đau, những cảm giác thường bắt gặp ở sát biên thùy cõi chết. Ý thức trách nhiệm của Quốc cũng là của những nhân vật khác của Saint Exupéry, Bernis, Rivière, Fabien, và của chính Saint Exupéry trong cuộc đuổi bắt say mê, mù mịt một ý hướng sống hào hứng cụ thể, toàn diện bằng cách tham gia trực tiếp và hành động hết mình.

Ở Quốc cũng như ở Saint Exupéry, chúng ta thấy sức tích cái cốt chất của thời đại tàn bạo bị thảm này : để sống cuộc sống của mình, hình thành ra mình, con người chỉ còn một phương cách, hành động. Ở đây, hành động không nên được hiểu theo một chiều ý dễ dãi, lười biếng, nông cạn, thô xiển. Hành động không có nghĩa là hoạt động, một ngày nhắc ống điện thoại một trăm lần, ra tuyên bố rầm rộ, xử dụng dao to búa lớn, nhờ cái súng sáu hảo hơn hợ, vung chân múa tay, mà kền đánh bóng cái thằng mình bằng những điệu bộ kiêu binh, phiêu lưu quần trong cái biếc của rượu mạnh và những tình cảm đàn bà. Hành động là như Quốc đã dám tự tay tiếp mồi cho ngọn lửa

khát vọng tự do cháy bùng, đã vào ngòi tù và sau đó không vổ ngực huyên hoang tự xưng anh hùng, vẫn khiêm tốn thi hành bổn phận hàng ngày của mình, trọn vẹn cho đến lúc chết, âm thầm như mọi công dân bình thường khác. Hành động là như Saint Exupéry đã từ bỏ những tiện nghi an bài của cái nếp sống trưởng giả thượng lưu trí thức Paris để lao mình vào những chuyến bay phiêu lưu mù mịt, tìm được ở nguy hiểm, hy sinh chính con người mình, những người hạn thực sự và một ý hướng hiện sinh phong phú. Để nói dài hành động của những người như Quốc, Saint Exupéry viết và dựng những nhân vật tiểu thuyết. Văn chương của Saint Exupéry, cũng như của nhiều nhà văn sau cuộc thế chiến thứ hai, là của một người nhập cuộc tích cực. Một người có sống đã rồi mới viết, ý thức được trọng trách của chữ nghĩa trước lịch sử, xã hội, chấp nhận làm một tiếng nói của công luận. Thành thử viết văn cũng là một phương pháp nói lên ý kiến, bày tỏ thái độ, lập trường của tôi về những vấn đề nóng bỏng của thời đại tôi đang sống, về chính trị, luân lý, chiến tranh, hòa bình. Chữ nghĩa của một nhà văn nhập

cuộc có ý thức thời đại, theo Sartre, cũng là hành động. Cùng một biến cố, Saint Exupéry đã hành động hai lần. Bằng phi cơ (mà Saint Exupéry gọi là giác quan thứ sáu hay sự nối dài thân thể con người giúp nó thay đổi không gian của nó) và bằng chữ



Đối với hai phi công Phạm Phú Quốc và Saint Exupéry, cuộc sống là tổng số những hành động, hành động có ý thức tức là hiện sinh, và có hiện sinh rồi mới có chân lý. Chân lý của Quốc và Saint Exupéry là kiểm chế cái khát vọng cá nhân ích kỷ, bắt nó phải nhường bước cho cái khát vọng khác là làm hơn mình, sống hơn mình vốn có ở mỗi người. Nếu sống được định nghĩa là sống ở đời, với người ta, thì sống hơn mình là sống ngoài mình, bằng một cái gì ngoài mình, sống trong và bằng tập thể, thể hiện hình dáng mình qua sự phản chiếu từ tập thể. Con người như

tập thể để hình thành, và ngược lại, tập thể dựa vào mỗi người để cấu tạo nên. Chỉ có sự hỗ tương này, dựa trên ý thức tự do trách nhiệm của con người và một chính sách nhân bản thông minh, sáng suốt mới kéo chúng ta thoát khỏi sự sa lầy não nề của những xã hội quá đề cao chủ nghĩa cá nhân, hay gông cùm của những xã hội công xã hà khắc. Đức lý xã hội của Saint Exupéry là con người phải phục vụ tập thể nhưng tập thể không được phóng thả, bóc lột con người. Saint Exupéry viết trong *Pilote de Guerre* : « Sự vĩ đại của nền văn minh tôi chủ trương là một trăm bậc thợ mỏ phải hy sinh để cứu sống một đồng bạn đang bị chôn kẹt dưới đất. Họ làm như vậy là cứu sống chính con người ».



Sự thật cho biết không một cường bách hay mê hoặc nào đã

thúc đẩy Quốc hành động. Quốc vẫn có thể không xạ kích dinh Độc Lập và ồ cao xạ ở bên kia Bến Hải, cứ phớt tỉnh sống yên ổn như nhiều người đã làm, hay lạng lã bay an toàn về hậu cứ, và chẳng ai trách Quốc. Luận cứ như vậy có nghĩa nói Quốc đã hành động từ một ý thức sáng suốt, tự do lựa chọn : tự do tình nguyện lúc sống và tự do tình nguyện lúc chết. Người ta có thể sống cả một đời hèn và chết một vài phút lớn. Nhưng khi đã sống lớn thì không thể không chết lớn. Cái chết của Quốc đã nâng giá trị đời sống Quốc lên binh phương. Đó là hành động sống tối hậu nhằm phục vụ đời sống Quốc, đời sống đội viên, đời sống con người bằng sự hình thành toàn diện và hào hứng nhất con người Quốc. Quốc không còn là Quốc nếu không có vụ bắn phá dinh Độc Lập và hành động hy sinh cho đội viên. Quốc cho bạn bè và tập thể của Quốc một món hàng vô giá, máu xương của chính Quốc. Nhưng Quốc cũng nhận lại của tập thể một ý hướng sống và giá trị con người Quốc qua hành động đi vào đám đông, nhận lãnh trách nhiệm, tình nguyện làm một tiếng nói của công luận. Thành ra, Quốc không bố thí, làm phúc.

Quốc cho và nhận lại. Rất nhiều. Với đầy đủ phong độ lịch thiệp của một Fabien trong Vol de Nuit của Saint Exupéry. Không á thánh, trừu tượng, bốc đồng, ủy mị. Âm thầm, dăm hy sinh, thừ hy sinh không lẽ nghi.

Tôi thiết tưởng nên tuyên dương Quốc như vậy thì mới cảm thấy mỗi lời nói mình thốt ra không là một danh từ xuống, một ý niệm trừu tượng, mà là một giọt mắt xót sa khóc cái chết của một người, cái chết của phần đẹp nhất của chính mình.

Lúc sống cũng như lúc chết, Quốc vẫn là một người. Một kẻ cho vay không lãi, cho vay bằng chính mồ hôi, nước mắt và máu xương của Quốc. Một nhân công ưa làm đến nơi đến chốn, làm hơn phần việc đã được giao phó, làm một cách khéo léo, say sưa. Nếu đã đối kháng thì lợi dụng một sáng sớm, khi kẻ thù không ngờ, vác máy bay đi xạ kích thật chính xác rồi quần đi quần lại

cần thận xem mục tiêu đã xập hẳn chưa. Nếu đã yểm trợ đội viên thì hạ bót ngay cao độ cho chắc ăn, chúc mũi phi cơ xuống tiêu diệt cái gốc nguồn nguy hiểm là ổ cao xạ đang bố trí ở dưới kia. Lúc sống cũng như lúc chết, Quốc vẫn giữ nguyên vẹn đức tính của Quốc. Kiên trì với bản phận tự mình gán lấy. Bản phận sống hộ, nói hộ khát vọng chính đáng của một đám đông bị áp bức mà chưa dám mạnh dạn bày tỏ, hét lớn miền phần uất của họ vào mặt kẻ thù. Và chết hộ, cũng sốt sắng, can trường như khi còn sống. Sốt sắng, can trường (điều này phải được nhấn mạnh), chứ không cuồng tín, bạt mạng. Vì cái chết của Quốc là hành động tất nhiên của cái ý thức tự do trách nhiệm, tự do lựa chọn như đã nói ở trên, trong khi cái chết của một kẻ cuồng tín, bạt mạng là một xuẩn động vì kẻ này không ý thức nổi giá trị vô cùng quý báu của đời sống nên mới đem xài phí nó, đổi nó lấy một

*Trong sự giao du, trước hết tôi ráng tìm hiểu người khác.
Rồi tôi ráng tìm xem có thể giúp họ được cái gì để họ có một
đời sống đầy đủ hơn, thỏa mãn hơn.*

Dorothy Canfield Fisher

cái chết dễ dãi, thứ tự trả hình, hay nói cay chua như Saint Exupéry, cái kết liễu rõ ợt của những súc vật trong một lò sát sinh.

Bồn phận Quốc tự gán lấy rất lớn, rất nặng. Nó chính là khát vọng của Saint Exupéry muốn sống hơn mình, ngoài mình, hết mình. Cũng như Saint Exupéry, Quốc không bao giờ huênh hoang coi nó như một sứ mạng. Trên lối đi về vắng của khiêm tốn, dù khởi hành chậm gần một phần tư thế kỷ, Quốc đã gặp Saint Exupéry ở lối sống và cách chết, ở ý thức trách nhiệm và bồn phận nói trên, ở hình thành được một đức lý qua hành động, ở hành động để hiện sinh. Trường hợp Quốc là quả bom nổ chậm Saint Exupéry để lại trong tâm tư chúng ta hôm nay, làm chúng ta vừa choáng váng đau đớn vừa đọc thấy và hiểu thêm bức thông điệp lung linh của nhà văn hào xứ Bourgogne ấy.

Đôi cánh chim Phạm Phú Quốc mới khuất khỏi bầu trời bát ngát của chúng ta chưa đầy một tháng để bay vào cái bát ngát vô cùng hơn là cõi chết, nhưng những người viết về Quốc còn ước muốn đôi cánh chim ấy bay mãi mãi trong



không trung của tưởng niệm. Ước muốn này đã được thể hiện ra bằng những mẫu tự và âm trường của những bản bi hùng ca thường thấy rải rác trong văn học sử như là những viên ngọc đen riêng biệt của những thời đại chiến tranh. Kể viết bài này, một người mang tên là người, không có tham vọng nổi dãi thêm thiên « huyền sử ca một người mang tên Quốc ». Hắn chỉ mong sao khỏi được hình ảnh Quốc ra khỏi cái lạnh ngời cầm thạch của một pho tượng để trả hình ảnh về với cái nóng hồi bi thương của đời sống chúng ta hôm nay. Hắn nghĩ Quốc đi vào đời sống chúng ta trước khi đi vào lịch sử, và ngoài cái chết của anh hùng Quốc, còn cái chết của một người đã làm tròn bồn phận mình. Hắn nghĩ có tuyên dương Quốc như vậy thì mới biết yêu Quốc thực sự, nổi dãi đời sống Quốc qua khỏi cái thời đại hiềm trở này, thời đại không thần tượng, hay nói theo Malraux, thời đại của miệt thị.

18-5-65

CUNG TRẦM TƯỜNG



Ca-sĩ HÀ-THANH
(Ảnh Ngọc-Bích)



NGUYỄN-TRI-PHƯƠNG

VÀ CHIẾN LŨY KỲ-HÒA



Khảo lược của NGUYỄN-THƯỢNG-TIẾN

- Vị cha đẻ của chiến lược « Trường kỳ kháng Pháp » cũng là người Việt Nam đầu tiên biết dùng địa đạo, mìn đất và giao thông hào để bao vây, tiêu diệt quân Pháp.
- Súng hỏa mai và súng điều thương trong tay người có tinh thần vì nước quên mình cũng có khả năng đánh bại đại bác và chiến hạm địch.
- Quân số tương đương và hỏa lực mạnh gấp mấy trăm lần hơn, Charner vẫn phải hy sinh hàng mấy trăm chiến hữu, trong đó có cả sĩ quan cấp Tướng, mới đánh bại nổi Nam quân trong lũy Kỳ Hòa.

Từ tháng 7 năm 1860 đến tháng 2 năm 1861, mặc dù hỏa lực quân ta thua sút hẳn đối phương, danh tướng Nguyễn Tri Phương đã cô lập hẳn được cánh quân của Đại tá d'Ariès trong một vòng vây mỗi

ngày một thu hẹp khiến cho một bộ phận quan trọng của đạo quân xâm lược Pháp - Y-Pha-Nho bị mất hẳn liên lạc với bên ngoài trong hơn sáu tháng trời. Nếu không có Hải quân Trung tướng Charner

mang lực lượng hùng hậu vừa chiến thắng ở Trung Quốc về giải cứu cho, cánh quân bị vây nhất định không thoát khỏi nạn tiêu diệt.

Nhưng về giai đoạn chiến tranh này, sử gia Trần Trọng Kim lại ghi chép và phê bình bằng những lời lẽ dưới đây :

« Quân Pháp và quân Y Pha Nho ở Saigon lúc bấy giờ chỉ có độ một ngàn người mà quân của Việt Nam ta thì có đến hơn một vạn người. Nhưng mà quân ta đã không luyện tập lại không có súng ống như quân tây. Minh chỉ có mấy khẩu súng cò, bắn bằng đá lửa, đi xa độ 250 hay 300 thước tây là cùng, không đậu lấy một. Lấy những quân lính ấy, những khi giới ấy mà đối địch với quân đã tập theo lối mới, bắn bằng súng đạn trái phá thì đánh làm sao được? Bởi vậy cho nên, xem trận đồ Việt-Nam ta từ đầu cho tới cuối chỉ có cách đào hầm đào hố để làm thế thủ chứ không bao giờ có thể công, mà người Tây thì lợi cả công lẫn thủ ».

Trong khuôn khổ một tập sử lược, lẽ tất nhiên sử gia họ Trần không thể ghi chép đầy đủ mọi diễn biến của từng giai đoạn chiến tranh. Tuy nhiên, hoặc vì kẻ cứu còn thiếu sót, hoặc vì ngọn bút chép

sử không tránh thoát sức chi phối của « Nhà Nước bảo hộ », Trần tiên sinh đã chép không đúng sự thật và phát biểu những ý kiến vừa không xác đáng vừa có tính cách xúc phạm đến tiền nhân.

Bằng ngay vào những tài nguyên công bố bởi những người Âu có tham dự hay chứng kiến giai đoạn chiến tranh này, hậu nhân chúng ta cũng nhận thấy rõ là Nam quân không hề tỏ ra hèn yếu và không chịu thúc thủ trong thế bị động thường trực như vậy mặc dù lực lượng đôi bên quá chênh lệch, nhất là về mặt vũ khí. Tuy chỉ được võ trang một cách thô sơ và tinh thần vừa trải một phen dao động vì trận thất bại nhanh chóng và đau đớn của Vũ Duy Ninh, đoàn quân thứ Gia-định do Nguyễn Tri Phương cầm quyền tiết chế cũng đã chiến đấu thắng lợi và dũng cảm với một thế chiến tham bác cả Công lẫn Thủ. Sau khi đã gây được cho địch quân nhiều tổn thất khả dĩ làm chấn động dư luận giới quân sự Pháp, đạo quân ấy đã thất bại, không vì lỗi thiếu luyện tập, hay thiếu tinh thần, cũng không vì tình trạng bất tài của người lãnh đạo hay vì sự vắng mặt của một chiến lược thích nghi. Với kỹ thuật chiến tranh đã tiến bộ khá

xa trong giai đoạn cơ giới hóa, với những chiến hạm, đại bác và vô số chiến cụ tinh xảo hơn ta, liên quân Pháp — Y-Pha-Nho tất nhiên phải chiến thắng đối phương chỉ có gươm, dao, súng điều thương và súng thần công bắn đạn đặc.

Trong một cuộc chiến đấu bất bình đẳng như thế, sự thất bại của danh tướng Nguyễn-tri-Phương chỉ là một kết quả không thể tránh được. Kết quả này, vị thất bại anh hùng ấy đã thấy rõ, từ trước khi đáp lời triện thỉnh của nhà vua.

Nếu ở thời Tam Quốc, Khổng Minh chưa ra khỏi lều tranh đã nhìn rõ sự suy tàn của một nhà Hán mà cái tài kinh luân của 1 trăm Gia Cát cũng không thể cứu vãn thì ở thế kỷ thứ XIX, trước khi khảng khái nhận lãnh trọng trách tổ chức và điều khiển cuộc kháng chiến ở Miền Nam, Nguyễn-tri-Phương cũng đã tiên đoán được sự thất bại mà ông không có khả năng tránh khỏi. Trước khi xuất sứ theo mệnh vua, ông đã phân tách mình bạch tương quan lực lượng đôi bên để kết luận rằng:

«Việc đánh nhau với quân xâm lược lúc này đã khó gấp 5, gấp 7 trước, nhưng thân làm Tướng thì phải hy sinh tính mạng cho Tổ Quốc, dầu vào Nam hay ra Bắc cũng xin hết sức, hết lòng».

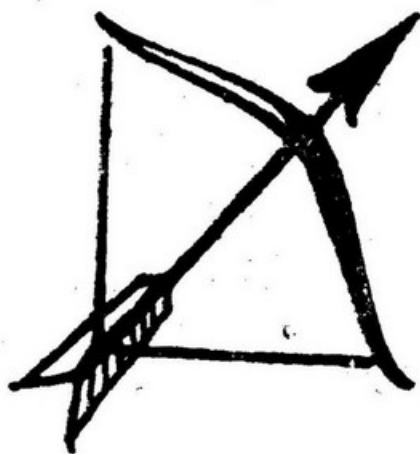
Qua lời tàu trên đây, hậu nhân há chẳng thấy rõ cái dũng của kẻ Sĩ: đã nhận một chức vụ thì quyết nhận luôn tất cả trách nhiệm nặng nề do chức vụ ấy mang lại, dầu biết trước là khó, là nguy, là chết cũng không từ!

Tình hình nước ta lúc đó nguy nan như thế nào, con người có tầm mắt nhìn xa thấy rộng như Nguyễn Tri Phương đã trông rõ từ trước. Ngay khi vừa được vua Tự Đức ban thưởng ngự phục vì công ngăn cản thắng lợi cánh quân xâm nhập tại Đà Nẵng khiến cho Rigault de Genouilly phải bị triệt hồi, vị tướng lãnh kiêu toàn trí dũng này cũng đã quan niệm rằng với thực lực hiện hữu thì Nam quân đánh đã không thắng mà giữ cũng không xong. Vì thế, Nguyễn Tri Phương đã hoạch định chiến lược «trường kỳ đề kháng» theo đó Triều đình phải dùng quân chủ lực cố thủ các vùng hiểm yếu và tung kỳ binh ra tiêu hao lực lượng bằng các trận mai phục, kỳ tập, đột kích v.v... Chiến lược này ngót một trăm năm sau đã đưa Quân Dân Việt Nam đến chỗ chiến thắng khi người Pháp lăm le tái chiếm nước ta. Nhưng, vào thời vua Tự Đức, triều đình nhà Nguyễn không chịu phê chuẩn.

Khi tiến quân cứu viện Gia-Định, Nguyễn Tri Phương phải thay đổi khá nhiều, biến chế thành một chiến lược tham bác cả công lẫn thủ.

Thế công mà ông trù định không chủ trương thí quân một cách mù quáng như tung từng đội bạch binh ra trước luồng đạn đại bác của địch hay bắt chiến sĩ mang độc một tấm lòng quyết tử mà chọi lại những vũ khí có sức giết người cực nhạy của quân xâm lăng. Thế thủ của ông cũng không có nghĩa là khoan tay đợi địch tới đánh mới chống trả để thường trực đứng trong thế bị động. Biết người biết mình, Nguyễn Tri Phương ráo riết phát huy những ưu điểm của mình và tìm mọi cách bổ túc những điểm thiếu sót, yếu kém. Ông rút kinh nghiệm ở mặt trận Đà Nẵng, ngày đêm thực hiện một hệ thống chiến lũy cho quân ta có nơi ẩn nấp và bao vây đối phương.

Gồm những pháo đài kiên cố, những địa đạo dài bất tận, những rặng mô đất, những chướng ngại vật và giao thông hào, chiến lũy Kỳ Hòa chiếm một diện tích trên trên 12 cây số vuông và được khuếch trương củng cố thêm mỗi ngày, khiến cho vòng đai càng thắt chặt mãi, chung quanh khu tạm chiến mặc dầu địch quân có rất nhiều



đại bác hạng nặng. Trong tạp chí Monde Illustré xuất bản tại Pháp ngày 20-4-1861, ký giả Maxime Duvert đã không tiếc lời khen ngợi công trình vĩ đại này, mặc dầu lúc đó chiến lũy Kỳ Hòa đã bị quân Pháp triệt hạ sau một trận phản công làm chúng tổn rất nhiều xương máu. Một sĩ quan cấp Tá người Pháp có tham dự trận đánh cũng nhìn nhận rằng :

« Vị Nguyên soái của nước Nam đã biết phương lược xây dựng lối pháo đài tân thời như Totleben ở Sébastopol, Denfert Rochereau ở Belfort hay Osnan Pacha trong trận Plewna ».

Đó là nói về mưu lược, tài trí của chủ tướng Nguyễn Tri Phương. Còn về tinh thần chiến sĩ Việt Nam thì trong bức thư viết trên soái hạm Impératrice Eugénie ngày 28-3-1861, trung úy hải quân

Phillipe Aude đã thắng thần tiết lộ với bằng hữu ở Pháp rằng :

« Quân Việt-Nam rất can đảm.

Lòng dũng cảm và thái độ khinh thường cái chết của họ đã tỏ rõ trong việc họ dám sử dụng một thứ vũ khí chỉ có hiệu lực tự vệ trong vòng vài thước để chiến đấu với những binh lính Pháp có súng trường và lựu đạn ! »

Xuyên qua những lời ghi chép và bình phẩm của những người ngoại quốc đã chính tay tham dự hay chính mắt chứng kiến trận chiến ở Gia định thời Nguyễn Tri Phương, hậu nhân chúng ta phải thấy rằng sử gia Trần Trọng Kim đã lầm lẫn nghiêm trọng với đoạn Việt-Nam Sử-Lược mà chúng tôi lược dẫn trên phần bài này. Quân Nam thời ấy không quá kém cỏi về kỹ thuật hay tinh thần chiến đấu, vũ khí thô sơ không hẳn là vô dụng và những tướng lãnh xuất thân văn nhược cũng không hèn kém đến nỗi « chỉ biết có đào hầm hố để cố thủ và không bao giờ dám giành lấy thế công » ! Để chứng minh rõ hơn nữa sự lầm lẫn ấy, chúng tôi xin cùng bạn đọc ôn lại từng diễn biến quan trọng trong trận Quân thù Gia định chống nhau với liên quân Pháp — Y Pha

Nho từ tháng 7 năm 1860 đến tháng 2 năm 1861.



Sau khi đã chiến thắng dễ dàng một vị văn thần trung liệt nhưng kém tài chiến trận, hải quân trung tướng Rigault de Genouilly đốt sạch lương thảo và san phẳng hào lũy bao quanh Gia Định Thành rồi ủy cho hải quân trung tá Jauberguerry trấn giữ để y mang trọng lực ra Đà Nẵng. Ý đồ của viên tướng xâm lược này là giải quyết cho xong một địch thủ đáng sợ là Kinh lược sứ Nguyễn Tri Phương để thẳng đường, và rảnh tay tiến lên uy hiếp Kinh thành Huế.

Nhưng Rigault de Genouilly không thành công và người kế vị y là hải quân thiếu tướng Page cũng chẳng may mắn gì hơn. Chiến sự rây rưa tới tháng 3 năm 1860, liên quân Pháp — Y Pha Nho đã chịu nhiều tổn thất mà vẫn không tiến lên được. Rồi, vì tình hình miền Hoàng Hải khẩn trương, thiếu tướng Page được lệnh đi trợ lực hải quân trung tướng Charner. Ngày 23-3-1860 quân xâm lược đốt phá các căn cứ tạm chiến ở Trà Sơn, An Hải, rồi triệt thoái về Saigon. Nơi đây, ủy thác cho hải quân đại tá d'Ariès và một lực

lượng hỗn hợp Pháp — Y Pha Nho khoảng trên một ngàn người trấn giữ Gia Định thành, thiếu tướng Page kéo binh thuyền lên mạn Bắc hội tiểu với quân nước Anh.

Tiếng súng ở Đà Nẵng vừa im, danh tướng Nguyễn Tri Phương được vua Tự Đức vời về kinh nhận chức Tiết chế Gia Định Quân Thù. Khi ông về tới Huế, nhà vua đang nằm bệnh nhưng cũng vội vàng mời đến bên giường ngự đề hỏi về ba đường Hòa, Chiến và Thủ. Vốn đã nhìn rõ ruột gan quân xâm lược, ông tâu bày rằng mọi cố gắng thương nghị đều sẽ không thành công vì ta không thể nào thỏa mãn nổi lòng tham không đáy của quân cướp nước, do thế chỉ còn hai đường Chiến và Thủ là đáng bàn tới. Nhưng, như chúng ta đã biết, ngay khi nắm vững ưu thế ở lũy Liên Trì, Nguyễn Tri Phương đã từng mật tấu rằng với thực lực hiện hữu thì quân ta chiến đã không thắng mà thủ cũng không vững! Với nhận định ấy, vị thất bại anh hùng đã hoạch định một chiến lược trường kỳ đề kháng, tiếc rằng chiến lược duy nhất thích dụng ấy lại không được phê chuẩn.

Biết rằng tình thế Gia-Định vạn phần nguy ngập, vua Tự Đức vẫn tin tưởng đình ninh là cái tài thao

lược của Nguyễn Tri Phương có thể lật ngược thế cờ. Nhà vua đã dùng lời lẽ kích thiết đề khuyên ông đừng thoái thác một nhiệm vụ khó khăn. Vì trách nhiệm của một tướng lãnh với quân đội và của một kẻ Sĩ đối với quốc gia, Nguyễn Tri Phương khẳng khái nhận lãnh sứ mạng mà ông biết rõ là không có ai có thể hoàn thành mặc dầu bản thân và mọi người cộng sự đều sẵn sàng chết vì sứ mạng ấy. Tâm sự của Nguyễn Tri Phương khi nhận quả ấn Tiết Chế



Gia Định Quân Thù cũng giống như tâm sự Kinh Kha khi vượt sông Dịch sang Tần. Tâm sự ấy đã được bộc lộ rõ ràng trong những lời thống thiết mà họ Nguyễn, tâu vua Tự Đức trước khi xuất quân theo vương mệnh.

Trước ngày lên đường, Nguyễn Tri Phương còn dâng một bản Điều trần xin vua cho thi hành cấp tốc

6 khoản khẩn yếu để bổ túc và hỗ trợ cho những mưu lược mà ông quyết định thực hiện trong công cuộc kháng chiến với quân xâm lược. Đó là thái độ thung dung tự nghĩa của một kẻ Sĩ đã được tôi luyện nơi sân Trình của Khổng để biết đặt Đại Nghĩa lên trên sự thành bại và chỉ biết triển hết sức lực, tìm óc, sức cùng tận tụy với quốc gia đến phút cuối cùng.

Tháng 7 năm 1860, Nguyễn Tri Phương mới tiến quân vào tới Biên Hòa, nhưng nhờ có màn lưới do thám đông đặc ông đã biết rõ tình hình và thực lực quân địch. Có 6 tàu chiến và nhiều dàn đại bác yểm hộ, đạo quân của d'Ariès đang đồn trú khoảng giữa Saigon và Chợ-lớn ngày nay, trên một trận tuyến chạy dài 7 cây số. Biết rõ khả năng công phá của hỏa lực địch, Nguyễn Tri Phương không chủ trương những trận đánh thí quân. Ông quyết định ngay một sách lược thích hợp là xây dựng chiến lũy Kỳ Hòa cho quân ta có điểm tựa mà đánh tĩa và bao vây đối phương. Do thế, chung quanh trận tuyến của liên quân Pháp — Y Pha Nho, Nam quân cấp tốc thiết lập một hệ thống công sự khổng lồ.

Ngoài những pháo đài kiên cố

mà sĩ quan Pháp phải ví với những pháo đài của quân Phổ ở Paris, chiến lũy Kỳ Hòa còn gồm nhiều địa đạo — có khúc dài tới 16 cây số — nhiều giao thông hào và nhiều rặng mô đất được che chở rất chắc để chiến sĩ ta có thể từ bên trong núp bắn quân địch mà không sợ bị tiêu diệt mặc dù súng của địch mạnh và chính xác hơn. Những hào giao thông và mô đất ấy không có tính cách cố định : sau khi đánh tĩa địch quân một trận, Nam quân lại rút đi ngay để trốn đợt pháo kích trả thù. Nhưng địch vừa triệt hạ xong chỗ này hôm trước thì hôm sau ở gần ngay đấy lại mọc lên một tập đoàn giao thông hào và mô ụ khác, vì thế vòng vây càng ngày càng thắt chặt lại. Chỉ 2 tháng sau khi Nguyễn Tri Phương xông vào vòng chiến ở Gia-định, đạo quân của Hải quân Đại tá d'Ariès đã bị bó chặt trong một trận tuyến mỗi ngày một thu hẹp và trong suốt 6 tháng trời cánh quân xâm lược ấy đã bị đoạn tuyệt hẳn tin tức với phía bên ngoài chiến lũy. Nếu không có sức yểm trợ cực mạnh của 6 chiến hạm buồng neo giữa sông Saigon, bọn chúng chắc không thoát khỏi bị tiêu diệt.

Về phía Nam quân, Nguyễn Tri

Phương không đợi tới khi hoàn thành chiến lũy Kỳ Hòa mới khởi sự tấn công quân cướp nước. Để đánh phủ đầu bọn chúng hầu khôi phục lại tinh thần cho khối dân quân đang hoang mang vì sự thất bại quá dễ dàng của Vũ Duy Ninh, Nguyễn Tri Phương vừa tiến ra đến nơi đã tung ngay quân sinh lực vào một trận phản công để giải vây cho một pháo đài tiền tuyến ở Phú-Nhuận. Chiến sĩ của đạo Quân Thù Gia-định lâm trận với một khí thế phải chùn lại, chiến hạm của chúng cũng bị đẩy lui.

Sau chiến thắng mở màn này, ngày 4-7-1860, Nguyễn Tri Phương lại đích thân hướng dẫn 3.000 chiến sĩ đánh chiếm vị trí Cây Mai do Đại úy Fernandez và một đại đội lính Y-Pha-Nho trấn giữ. Đốt hỏa châu sáng rực một góc trời, quân giữ đồn chống trả mãnh liệt dưới sự yểm trợ của một hỏa lực rất phong phú xuất từ hàng trăm họng đại bác. Đất rung lên như đũa văng, nhưng dưới làn bão thép vị Tướng ngoài 60 tuổi vẫn đứng cảm xông xáo, nêu một tấm gương sáng chói cho 3.000 chiến sĩ quyết tử. Kết cục, Fernandez phải bỏ vị trí tàu thoát. Từ đó, quân xâm lược giác ngộ rằng hỏa lực mạnh chưa phải là vô địch.

Trước tình thế mỗi ngày một

thêm nguy hiểm cho cánh quân xâm lược bị bao vây, d'Ariès quyết định phản công. Hắn dốc toàn lực vào một cuộc tấn công dữ dội các pháo đài mới lập thêm ở Gia-định nhưng cuộc phản công này thất bại, liên quân Pháp — Y Pha Nho bị thương vong 132 tên. Sau trận thua xiềng liềng này, d'Ariès biết rằng cách xử trí khôn ngoan nhất của hắn lúc đó là thu hẹp trận tuyến và cố thủ để chờ đợi một thời cơ khác, thuận tiện hơn và không xa. Vì thế, từ tháng 11 năm 1860 đến đầu tháng 2 năm 1861, d'Ariès nhất định tránh mọi đụng độ với Nam quân.

Về phía Nam quân, Nguyễn-tri-Phương, cũng không thể huy động chiến sĩ mang súng hỏa mai và súng điều thương cùng khiên mây, áo thép mà xung phong vào một phòng tuyến địch có sự yểm trợ không mệt mỏi của hàng 100 cỗ đại pháo từ trong thành bắn ra và của 6 chiếc hạm dưới sông Sài-gòn bắn lên. Vì thế, Nam quân bao chặt cứng mà không tiêu diệt nổi cánh quân của d'Ariès và giai đoạn thắng lợi ban đầu chấm dứt khi Charner mang hạm đội chiến thắng ở Trung Hoa về Sài-gòn với nhiệm vụ lật ngược thế cờ.

Theo các sử thần của triều Nguyễn

dưới quyền điều động của hải quân trung tướng Pháp có hơn 10 ngàn binh sĩ. Theo Việt-Nam Sử-Lược thì lực lượng xâm lăng mới tăng cường này gồm 70 tàu chiến và khoảng chừng 3.500 người. Nhưng, theo các sử liệu mà nhà văn chuyên viết chuyện sử Phan-trần-Chúc đã thu thập được, đạo quân viễn chinh của Charner đến Sài Gòn ngày 6-2-1861 và gồm 2 kỳ hạm, 3 chiến hạm, 4 đại pháo hạm và 3 tuần dương hạm. Ngoài số thủy quân cơ hữu của các chiến hạm ấy cộng với mấy liên đội thủy quân lục chiến và công binh chiến đấu, đạo quân của Charner còn có Lữ đoàn bộ binh số 2, một đơn vị của Lữ đoàn pháo thủ số 14, một đơn vị kỵ mã người Phi châu, một tiểu đoàn bộ binh người Y Pha Nho và nhiều cơ lính Á châu mới mộ ở Trung quốc. Như vậy, về quân số, đạo quân xâm lược chỉ tương đương với đạo quân Thù Gia Định nhưng hai bên chênh hằn nhau một vực một trời về hỏa lực.

Thế nên, sự thất bại của Nam quân ngày 25-2-1861 chỉ là việc tất nhiên phải xảy ra, như Nguyễn-tri-Phương đã thấy trước. Tuy vậy trước khi chịu mất lũy Kỳ Hòa, vị lão tướng cũng quyết chiến với địch quân cho đến lúc ngã gục

dưới đạn thù và quân ta đã hy sinh 1.800 chiến sĩ, trong đó có em ruột vị chủ tướng. Đánh đổi, đạo quân viễn chinh mạnh như hùm sói của Charner cũng bị thương 225 tên thương vong kể cả một số sĩ quan mà ngày nay ta còn tra cứu được danh tính, như thiếu tướng Vassoigne, đại tá Palanca, trung tá Testard, các đại úy De Foucault, Rodellec, Duporzic, các trung úy Berger, Larégnière và các thiếu úy Noel, Frostin.

Sự tổn thất nặng nề của đôi bên đã chứng tỏ tính chất ác liệt và cương quyết của trận đánh giữa 2 lực lượng không đồng đều về hỏa lực. Mặc dầu không tương đương mà lại được trang bị mạnh gấp trăm lần quân ta, quân xâm lược vẫn phải trả giá đắt cuộc chiến thắng ở lũy Kỳ Hòa. Thực tại này hùng hồn bác bỏ những lập luận sai lầm của một số người viết sử đã phê phán một cách vội vã và thiên lệch rằng :

« Vì tướng hèn, binh yếu, Nam quân không phải là đối thủ của liên quân Pháp — Y pha Nho nên chỉ biết rút có một cách... đào hầm hố để làm thế thủ » !

NGUYỄN - THƯỢNG - TIẾN

Trước giờ làm trậu

TẶNG CHU-VƯƠNG-MIỀN

CHÚNG con đã về đây
Năm mai phục trên cánh đồng của mẹ.
Từ lúc sương chiều vừa tan
Đất dậy nồng hương gòc rạ
Người cuối cùng trong bọn chúng con
Đã vượt qua kinh băng rẽ lồi mòn
Lặng lẽ như từng bóng ma
Chập chòn trong đêm mờ ảo !
Trăng thượng tuần xô nghiêng mũ lười
Mồ hôi lẫn giọt sương trong
Trời đã gần khuya, công sự vừa xong
Mắt chờ đợi dõi theo từng bóng giặc...
Mẹ đã ngủ hay chưa,
Đền nhà ai kia còn thấp
Trẻ nhà ai lạc vú sữa nghèo ?
Hầm của mẹ vững không
Đêm nay súng nổ đạn reo
Xin đừng run mẹ nhé !
Đã bao đêm rồi mắt già trũng lệ

Mà chúng con về không kịp báo mẹ hay !
Rằng chưa tiện báo mẹ hay
Khi liềm trắng non vừa khuất
Khi tên lính cuối cùng trong toán giặc
Lọt vào tầm súng tay con
Là cuối chân dê cho đèn đầu làng
Đạn sẽ xé tung trời
Bom sẽ găm dậy đất !
Hỏa châu sáng một góc trời đỏ rực
Soi rõ từng tên, con nhảm từng tên
Soi rõ xóm thôn có bóng dân hiền
Cho bạn con không nhầm nhà của mẹ...
Đã bao đêm trường mắt già trũng lệ
Son sắt mẹ chờ
Chỉ một đêm nay !...



Buổi chúng con chưa trở về đây
Vườn trâu mẹ sao mà tàn úa ?
Hàng cau héo vươn mình trơ cuội hạ
Nương dâu buồn rũ lá bãi hoang vu
Con trâu xanh đói cơ đứng ven bờ
Đứa bé bụng to trần truồng trưa nắng,
Mười trẻ mồ côi, dăm bà tóc trắng
Lỗi đi nào tranh được hò gài chông ? !
Ngày hãi hùng, đêm mã tấu dao găm
Sáng sớm loa kêu chiêu mộ giặc !
Chuông lợn trông trơn, đàn gà ai giết
Gạo ai thu lúa ai góp dâu rồi ?

Nước mắt chan cơm, cơm không đủ nuôi người
Người đâu mắt ? mẹ làm sao bám sống
Tiếng đau thương gào ã lạc giọng
Nỗi lảm than chịu nặng khối căm hờn !
Kiên nhẫn mẹ chờ từng bước chúng con
Chúng con trẻ vì đường xuôi nẻo ngược.
Mẹ ơi mẹ ! bao nhiêu tình yêu nước
Là bấy nhiêu tình yêu mẹ xa xôi
Trăm vạn khổ đau sẽ được đền bồi
Nghìn thương nhớ con mang về đây cả...
Mẹ hãy ru cho cháu đừng khóc sữa
Giờ vinh quang sẽ đến kịp bình minh !



Lát nữa đây
Trong chúng con sẽ có đứa hy sinh
Giặc gục trăm tên, ta vui bạn ngã !
Máu hồng chảy thấm quê hương
Máu sẽ tưới trên đồng thơm gốc rạ
Mẹ lại cấy cày, lúa lại đơm bông
Mẹ bới chén cơm gạo mới thơm nồng
Luộc đĩa rau lang, nướng cà dầm mắm...
Đoàn quân đã đi xa từ sau chiến thắng
Chưa trở về để mẹ mỗi morn trông
— Các con chưa về, nhớ mẹ nhiều không...

PHAN-TRƯỚC-VIÊN

(Dạ chiến)



NGƯỜI LINH HẢO HOA

một trăm năm về trước

Để gửi những ai « ghét » LINH và « yêu » LINH
✦ TÂM-VŨ

CÓ nhiều người ghét linh vì linh hay « bê bối ».

Có nhiều người ngán linh vì linh hay « ngổ ngáo » « ba gai ».

Cũng có người lại chê linh là « phẩm phu tục tử » không phải là loại « nhân mặc khách », vào trong phong nhã, ra ngoài hào hoa.

Bởi vậy mới có câu ví von cay nghiệt :

« Văn thời ngũ phẩm đã sang,
Vô thời tứ phẩm còn mang gươm hầu ».

Đánh cho chết cũng cứ tin rằng

TIỀN PHONG

câu ví trên là một sản phẩm của một nhà nho « cay cú » với linh lắm. Cay cú đến mức đó thì chắc chắn là đã bị « người đẹp » lạnh nhạt, không thêm mê cái cảnh :

« Sáng trăng trải chiếu hai hàng,
Bên anh đọc sách, bên nàng quay tơ »
hay : « Ngựa anh đi trước vông nàng theo sau ».

mà lại mơ màng :

« Chàng tuổi trẻ vốn dòng hào kiệt
Xếp bút nghiên theo việc đao cung ».
hoặc tưởng nhớ tới :

Nước mắt chan cơm, cơm
Người đâu mắt ? mẹ làm sao
Tiếng đau thương gào ã l
Nỗi lảm than chịu nặng k
Kiên nhẫn mẹ chờ từng b
Chúng con trẻ vì đường x
Mẹ ơi mẹ ! bao nhiêu tình
Là bấy nhiêu tình yêu mẹ x
Trăm vạn khổ đau sẽ đượ
Nghìn thương nhớ con ma
Mẹ hãy ru cho cháu đừng
Giờ vinh quang sẽ đến kịp

Lát nữa đây
Trong chúng con sẽ có đũa
Giặc gục trăm tên, ta vùi b
Máu hồng chảy thấm quê
Máu sẽ tưới trên đồng th
Mẹ lại cấy cày, lúa lại đ
Mẹ bới chén cơm gạo mớ
Luộc đĩa rau lang, nướng
Đoàn quân đã đi xa từ sa
Chưa trở về để mẹ mỗi m
— Các con chưa về, nhớ

không đủ nuôi người
ao bám sống
ạc giọng
hồi cảm hờn !
rớc chúng con
uoi nẻo ngược.
yêu nước
ta xôi
c đến bồi
ng về đây cá...
khóc sữa
bình minh?!



hy sinh
bạn ngã !
hương
m gốc rạ
m bông
i thơm nồng
cà dầm mắt...
u chiến thắng
n trông
mẹ nhiều không...

PHAN-TRƯỚC-VIÊN
(Dạ chiến)

TIỀN PHONG

LĂNG VEI, đồn biên phong

• Bưu ký của TÔ-THUY-NÊN



Đoàn Văn nghệ Tiền tuyến do Cục Tâm lý chiến triệu tập gồm nhiều Văn nghệ sĩ quân dân cùng các nữ sinh thủ đô đã lên đường đi thăm các tiền đồn Làng Vei, Bao Căng, Cà Lu thuộc khu 11 C.T. Đây là chuyến đi thứ hai trong khuôn khổ chương trình hướng về Tiền tuyến. Dưới đây là bài bút ký của nhà thơ Tô-Hùng-Yên viết về những ngày ở Tiền đồn Làng Vei, một căn cứ biên phòng.

L. T. S.

Tặng LÊ-VĂN-THÀNH

Làng Vei hay căn cứ C7 tọa lạc trên một triền núi cao, theo đúng quan niệm của một đỉnh quân sự, bên cạnh quốc lộ số 9, rộng khoảng 5.000 thước vuông. Từ phía nhìn xuống, Làng Vei là một miếng đất đỏ au được khoét thành giữa một vùng màu xanh rì thăm thẳm, âm thầm bất tận của rừng núi Trường Sơn.

Dưới chân căn cứ, bên kia quốc lộ là hai cái buôn thượng dựa lưng vào một dòng suối lớn rộng chừng mười thước bề ngang với tất cả khoảng 400 nóc nhà sàn lêu nhêu, thách thức.

Như thế, căn cứ, C7 chế ngự những cao địa chung quanh và kiểm soát một quãng dài quốc lộ từ đèo Mai Lạn đến đèo Rào Quán, án ngữ những lộ trình xâm nhập từ Ai-Lao.

Đằng xa, thật xa, về phía Tây là rặng núi CoRoc của vương quốc Ai-Lao, cao độ 800, chạy dài

sừng sững như một một tấm bình phong xanh mun vôi mây sương chít quần trên các đỉnh, ngăn chia Việt-Nam và Ai-Lao. Sự tương phản lạ lùng về khí hậu giữa hai vùng đất trong khoảng cách không đầy 10 cây số đường chim bay bắt nguồn từ rặng núi đó. Tại Làng Vei, vào những ngày nắng chói chang thì trời đốt, người ta thường có rất nhiều dịp nhìn thấy mưa, mưa trắng xóa, mưa mịt mù trời đất ở bên Lào như một ảo tưởng kỳ thú.

Về phía Đông, trườn đi dãy núi CoPut, cao độ 527, trườn đi như một đoàn tàu chậm rãi trên hành trình đời đời về biển cả.

Do đó, dù ở cách biển không quá 50 cây số đường chim bay — ôi, miền Trung gầy gò thắt eo buộc bụng — Làng Vei lại thụ hưởng hoàn toàn một khí hậu đại lục: ngày nóng cháy da, đêm lạnh thấu xương.

Đặc biệt, về mùa hè, những trận

gió Lào danh tiếng trùng trùng nổi
tiếp trong một kho vựa áp lực
thật cao, len lõi chạy theo những
thung lũng ngõ ngách, lùa qua
những hành lang lớn nhỏ của
Trường Sơn mang sức nóng ngàn
ngút phừng phừng hà sang Làng
Vei khiến cây cỏ tiêu điều, da người
phồng nứt, đá cát hung hăng. Về
mùa này, những chiến sĩ đi hành
quân phải bôi một loại thuốc nhờn
đặc biệt vào mặt, vào tay mới chịu
đựng nổi.

Còn về mùa mưa, cả trời vẫn vũ
u u từ sáng đến chiều, dĩ nhiên là
luôn cả đêm, và cứ như vậy hằng
tháng liền là một hiện tượng rất
quen thuộc. Bầu trời hạ thấp, núi
non không còn nhìn thấy đỉnh, bầu
trời đè nặng như một chiếc vung
kin bụng ngọt thở; dường như
những cụm mây nào đã trôi vào đến
Làng Vei rồi, đều chẳng muốn ra
đi. Và mưa, mưa liên miên, mưa
xối xả, mưa dai vắng trường kỳ từ
ngày này sang ngày khác: mặt trời
trong suốt một mùa, thường đi khỏi
Làng Vei. Căn cứ được tiếp tế bằng
hàng không vì trục giao thông Đông
Hà — Khe Sanh hiện nay đã hoàn
toàn không còn sử dụng được. Cho
nên về mùa mưa, có khi cả tháng
liền, căn cứ không được tiếp tế.
Thực phẩm tươi đã hết từ lâu,
cả gạo muối xi dầm cũng cạn, toàn

thề đơn đơn vị phải tiết chế cảm
hơi trông chờ ngày nắng ấm.

Không cần phải nhiều lời cũng có
thể tưởng tượng rằng đời sống của
người chiến sĩ đồn trú tại Làng Vei
thật khổ cực, vất vả trăm chiều.
Chẳng phải chỉ riêng Làng Vei. Mà
ở tiền đồn nào cũng vậy. Mà đã từ
phải chỉ riêng ngày nay. Đâu có
ngàn năm rồi như vậy đó. Đâu có
thi sĩ hậu bối nào nói thêm lời nào
hay hơn, thắm hơn về cái tâm sự
hắt hiu, se sắt ở tiền đồn cho bằng
tác giả vô danh của bài thơ Linh
Thú? Làng Vei năm nay, 1966 rồi:
cũng vẫn là nỗi niềm ngậm ngùi, u
uất của ngàn xưa:

... Chém tre dẫn gỗ trên ngàn.
Hữu thân hữu khổ biết phân ngàn.
Miệng ăn măng trúc mẫm ngựa
Những giang cùng nửa lấy ai bực
cùng.

Tiếng hỏi vô vọng của những chi
ai lấy đi lấy lại phải chăng đã rơi
vào, mất hút không âm vang của hổ
cái thỉnh không có quạnh của hổ
bề cổ lau lạng lơ ngút mất, đá n
điềm nhiên vậy hăm? Cho nên ch
còn tìm thấy tình chiến hữu tha
thiết vô vàn như một nguồn an
xót xa. Ba bốn tháng dài, người chiến
sĩ mới được thắp từng trục thuốc
đi phép vài ba hôm. Được một c

TIỀN-PHON

là hầu hết các anh em đều quê quán ở hai tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên nên thời gian di chuyển cũng chưa đến nỗi gây thiệt hại bạc triệu cho đời tư. Đại úy căn cứ trưởng C7 nói :

— Đối với những anh em sinh trưởng ở miền Nam, rất ít tại đây, chúng tôi luôn luôn tìm mọi cơ hội để hoán chuyển họ về nguyên quán.

Đã vậy, người chiến sĩ còn phải đương đầu chịu đựng cùng sương lam chương khi, kẻ thù dai dẳng không bao giờ chịu buông rời. Và sự chịu đựng này càng nặng nề hơn vì tất cả anh em phải sống chui rúc dưới những căn nhà hầm chật chội, âm thấp quanh năm, để tránh đỡ phần nào những cuộc pháo kích

dữ dội, bất thần của địch. Hầu hết những quân nhân nằm điều trị trong bệnh xá của căn cứ đều mắc chứng sốt rét rừng, mặc dù theo nội quy, mỗi người bắt buộc phải uống ít nhất 2 viên thuốc ngừa sốt rét mỗi tuần. Mọi thứ trái cây đều bị cấm ngặt. Nhất là đu đủ. Ăn vào chỉ vài giờ sau là trúng bệnh. Lại còn con bét, một loại sinh vật nhỏ độc hơn muỗi vắt, bu cắn hút máu, gây nên một chứng ghẻ bất trị. Nước uống cũng mang lại bệnh tật. Những chiến sĩ ở lâu năm tại vùng này cho biết rằng khi đi hành quân đến nơi nào, hễ cơm ăn càng thấy ngon thì nhất định ngon suối trong càng độc. Có những thấy đầy cát, thơ vắt, xanh lơ, nhìn thấy đầy cát, thơ mộng xiết bao, nhưng củ ngải và lá



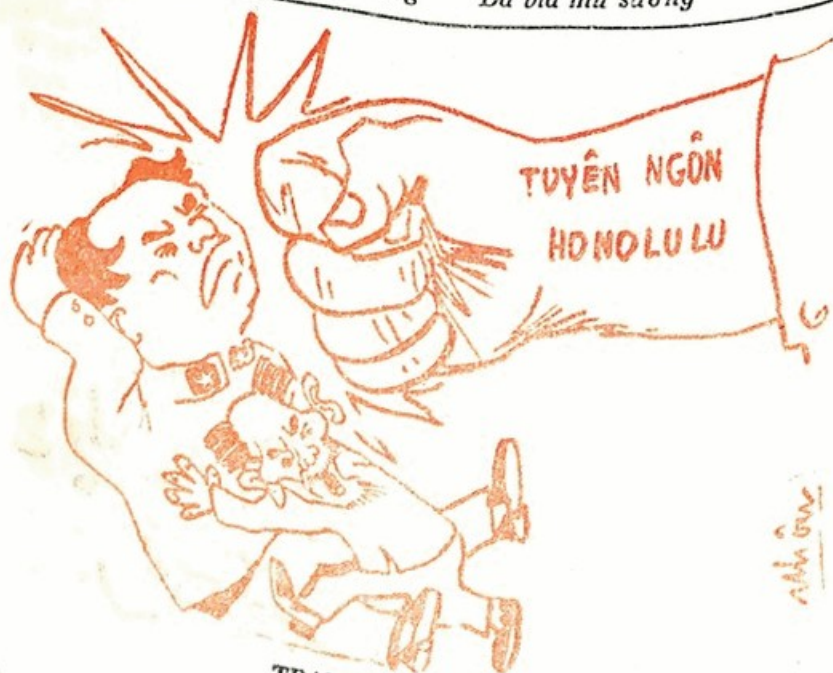
— Vào đi, bộ chú sợ chết hơn sợ đảng hay sao ?

TIỀN-PHONG

Houesane sang Làng Vei cách nhau chừng 50 cây số, trên quốc lộ bỏ hoang, cỏ mọc xanh um ở chính giữa mặt đường, hơn 70 phần trăm bị phá hủy, hai bên lề gài lựu đạn và mìn, các cây cầu bị giật, sập mà dòng suối lại ở dưới thấp 15, 17 thước nên những *déviations* là những đường dốc ba bốn mươi độ, chiếc Jeep muốn lên phải canh bánh, gài số mạnh và người đi nhảy xuống hi hục đẩy mới lên nổi. Trại giam Lao Bảo danh tiếng một thời, nằm trên quãng đường này, cách biên giới hai cây số, ngày nay là những đống nát hoang tàn, họa chăng

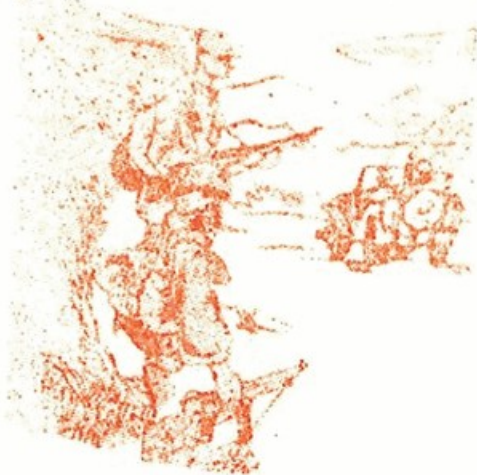
chỉ còn những hồn ma oan khiến lai vãng. Đó là vùng không người, xe ra khỏi Làng Vei không còn nhìn thấy đồng loại, những làng mạc như Làng Treài, Ka Túc, Hương Mỹ đều bỏ hoang, những vòng rào tre nghiêng ngả giữa ngôi nhà cháy xém đứng trơ vơ cùng nắng gió. Dọc đường, tự nhiên nhớ lại một bài thơ tuyệt tác của một chiến sĩ vô danh mười mấy năm về trước ;

Núi cao ngút
Mây trời Ai Lao sâu đại dương
Dặm về heo hút
Đá bia mù sương



TRANH KHÔNG LỜI

TIỀN-PHONG



Bên quán dừng chân người ngựa
mỗi

Nhìn dốc ngồi than
Thương ai lên đường
Chày ngày lạc giữa núi
Sau chân lối vàng xanh tuôn
Dưới đây bên suối độc
Cheo leo chới biển cương
Rau thề cơm vắt
Áo phai màu sa trường
Ngây thâu vượn hù
Đêm canh gặp hùm lang thang
Chuối âm thanh chơi vui, mòn
mỏi, lê thê, rờn rợn đó đường như
trôi lên từ vùng không gian chập
chùng khắc nghiệt như tiếng gáy
còn trùng phải phát ra từ đôi cánh
cứng mòng.

Làng Houesane nằm ven sông
Tchépone, tập trung chừng nóc 200

TIỀN-PHONG

nhà sàn nghèo khó, với những con
đường rất quanh co lên lỏi. Dân
chúng sống bằng nghề làm rừng và
dệt vải. Ở Houesane, hiện thiết lập
một phi trường hạng G do một
Trung Đội Công Binh Việt Nam
đảm trách. Người lính Hoàng gia
Lào, nếu họ chẳng đeo cấp bậc và
huy hiệu thì chẳng khác nào người
lính Việt Nam; cùng một sắc da,
ăn mặc, trang bị như nhau; đa số
nói được tiếng Việt Nam rất sõi.
Mức sống của người lính Lào rất
thấp: mỗi người thụ hưởng 33 kip
mỗi ngày, quân trang phải tự túc.
Mà một kip mới ăn được ba cắc
tiền Việt Nam.

Trở ra miệt Đông Hà, ở cách
Làng Vei 8 cây số là quận lỵ Hương
Hóa hay Khe Sanh. Quận lỵ gồm
có bốn năm dãy nhà lợp xúp, một
vài cơ sở hành chánh hết sức khiêm
nhường, chợ búa leo tèo, một quán
ăn duy nhất. Dân cư: khoảng 200
người kinh, vài chục người thượng.
Họ kéo lê một đời sống âm u, buồn
bã, thiếu thốn hầu hết các tiện nghi.
Đặc biệt, ở Khe Sanh có một bà cụ
chủ một gian hàng tạp hóa được
mệnh danh là bà mẹ chiến sĩ; bà
cụ cung cấp cho lính tiền đồn tất
cả những vật dụng cần thiết, kể cả
những sản phẩm du nhập từ Ai Lao.
Giá sinh hoạt ở Khe Sanh thật là đắt
đỏ. Một bao diêm trị giá 5 đồng, một
hộp sữa đặc 60 đồng, một chai bia 60
70 đồng mà kiếm đồ mất không ra.



Thậm chí cả phê là sản phẩm chính của Khe Sanh, cả phê chồn ngon nhất hạng bán rẻ rẻ mà một ly cả phê đen lại tính đến 10 đồng chỉ vì đường rất hiếm. Mọi chuyện vận tiếp tế đều được thực hiện bằng phi cơ; đã mấy năm rồi, chưa thấy một chuyến xe nào từ Đông Hà đi lên.

Rời bỏ quốc lộ vượt qua 3 cây số đường đất đỏ là tới phi trường Anh Sơn. Phi trường chạy dài trong một thung lũng rộng, có thể tiếp nhận được loại phi cơ vận tải khổng lồ C.130. Căn cứ Anh Sơn do một đơn vị Lực lượng Đặc Biệt hỗn hợp Việt Mỹ Úc có Pháo binh và Công binh yểm trợ trấn đóng. Sáng sớm, hai chiếc trinh sát cơ L.19 rời bỏ phi đạo, bay đi làm ăn trong những vùng núi non trùng điệp. Nếu căn cứ kêu lên một tiếng thì không đầy nửa giờ sau, đã có hàng đàn phản lực cơ, kể cả B.52 từ biển cả bay

ùa vào, nện bằng những mục tiêu vừa phát giác.

Vì phơi mình dưới chân một vòng thành cao địa hiểm yếu, phi trường thường phải hứng lãnh những trận pháo kích rùng rợn của địch. Cách đây không lâu, phi trường đã một lần bị pháo kích, thiệt hại đến 90 phẩm trăm. Nền hiện nay những căn nhà hầm được kiến trúc bằng bê tông kiên cố, cả hangar cho phi cơ cũng ở dưới lòng đất. Làng Vei và Anh Sơn được thiết lập theo thế ỷ giác nên gặp trường hợp bên này bị tấn công, pháo binh bên kia liền nã đạn gỡ rối. Thành thử, địch hầu không làm sao nhỏ bặt được hai căn cứ đó. Cao tay lắm là chúng chỉ pháo kích khuấy rối vu vơ rồi thôi. Và cứ mỗi lần phiên lưu như vậy, địch quân lại phải trả giá rất mắc: hàng trăm thi thể và va khí bỏ lại.

TIỀN-PHONG

Nói đến Làng Vei mà không nói đến đêm tiền đồn quả là một thiếu sót lớn. Đêm Làng Vei thật âm thầm, lạnh lẽo. Cái lạnh hiện đến trước cả buổi chiều trong khi trời còn nắng chói, và tăng dần theo bóng tối của ban đêm. Cái lạnh từ trời cao phủ xuống, từ vách đá tiết ra, từ lòng đất dâng lên. Cái lạnh ở khắp bốn bề, cái lạnh tự trong thân thể. Và rừng núi câm lặng, tiếng nói thì thảo đủ nghe, cả dòng âm thanh đều đều như giọng ngáy ngủ của chiếc mát phát điện nhỏ làm thành cái nền bằng bằng cho sự câm lặng, cũng là một sự câm lặng. Như ăn được ớt, uống một ly *whisky* hay một ly rượu thuốc đêm đêm là một thói quen đáng được khuyến khích. Và những ván *domino*, cờ tướng là tất cả chương trình tiêu khiển buổi tối. Xong đi nghĩ thật sớm. Đề nửa đêm thức dậy thay phiên gác cho người bạn hay đi tuần tiêu chung quanh. Mỗi người ngủ ngay ở vị trí chiến đấu của mình, mỗi phòng ngủ cũng là một pháo đài. Chỉ cần nhảy xuống khỏi chiếc giường tre, đã có thể tác chiến liền được. Cùng lắm chỉ phải chạy men theo một quãng ngắn nhân nơi tuyến phòng thủ. Và truyện trò trên là đề ngữ được yên giấc, mỗi đêm cả đồn phải thức dậy đôi ba lần, hướng súng cối trọng

TIỀN-PHONG

về những địa điểm khả nghi bắn hỏa tập. Vài chục trái đạn bay đi khua rền, tưởng chừng đủ sức đánh thức cả người chết. Rồi khói súng bay tan, tất cả chìm xuống, chìm xuống sự câm lặng đầy rộng như không gian.

Anh bạn tiền đồn,

Tôi đã cố gắng ghi lại đây những nét chính đậm về nơi mà anh phải trải qua những tháng năm thật sự. Không những tháng năm thật sự. Không bắt buộc phải khiếm tốn nhún nhường, tôi cũng tự nhận còn rất nhiều thiếu sót, phải còn biết bao chi tiết tôi đã chẳng bắt gặp, còn biết bao tâm tư tôi chưa kịp cảm nhận. Phải, làm thế nào có thể thấu tóm nguyên vẹn cả một nếp sống đặc biệt của cả một lớp người trong vài ba trang giấy leo tèo bất lực. Nhưng tôi vẫn cố gắng ghi lại đây, hy vọng những giòng chữ này sẽ lọt đến tay anh, hy vọng anh sẽ đọc thấy tình thương vô hạn của tôi xen trong những dòng chữ đó. Dù rằng đây cũng chỉ là một nguồn ăn ổi xốt xa thôi.

2-66

TÔ THÙY YÊN



Năm cụm núi quê hương

ANH thương-bình về thăm nguyên-quân
Một bàn tay vĩnh-viễn gửi sa-trường
Anh trở lại với bàn tay còn lại
Vẫy vẫy chào non nước quê-trong.

Quê-hương anh

Mây giăng đèo Hải
Chiều ấu-thơ êm-ả cầu hồ
Nước mây nguồn sông hẹn về Cửu Đại
Ngũ-Hành-Sơn năm cụm núi xanh lơ.

Anh lớn lên giữa bài ca châu-thỏ
Những mùa thu ngọt trái nam-trân
Biển xa lộng gió
Thuyền lưới, đầy khoang cá trắng ngần,

Mẹ thường kể anh nghe
Chuyện mẹ cùng cha
Ngày xưa, đôi lứa
Trai lành, gái đảm thương nhau
Bến nước sông sâu
Nhịp cầu, giếng xóm
Cô gái mười lăm hái hoa bắt bướm
Nắng sớm thêm vàng màn áo lụa Duy-Xuyến
Cậu trai xóm dưới ngoan hiền
Đêm khuya-khoắt học bài bên bếp lửa

Mẹ già thương hai « đứa »

Mẹ già cho lấy nhau

Vài bông cau, mấy liễn trầu
Đám cười đi ngang bờ sóng hoa gạo đỏ

Phong
1966

Bien rộng buổi xa ăm-ấp gió
Ngũ-Hành năm cụm xanh xanh
Cha mẹ chỉ tay thề với núi :
— Mỗi ngón tay là một cụm Ngũ-Hành
Năm cụm núi không thề nào thiếu một
Năm ngón tay không thề chia-lìa.
Lời mẹ đều đều. Sương rụng vườn khuya.
Anh ra đi từ mùa thu quê hương bốc lửa
Rừng xa, xa rồi những lửa nam-trân
Mẹ đã già và cha không còn nữa
Mây giăng nhiều trên đỉnh Hải-Vân.
Chiều hôm nay anh trở về nguyên quán
Một bàn tay vĩnh-viễn gửi sa-trường
Mẹ già đón anh, mừng vui, bỏ ngõ
Mẹ khóc, mẹ cười, mái tóc rung hoa sương
Không theo anh về bàn tay năm ngón
Nhưng về theo anh nghìn chiến công
Về theo anh sóng vẫn đầy mấy ngọn
Mùa vui chim ca, cá trắng, cam hồng.
Anh nhìn núi Ngũ-Hành năm cụm :
Màu núi thêm xanh
Mất bàn tay, còn quê-hương thăm-thiết
Mỗi ngón tay đáng một cụm Ngũ-Hành.
Niềm vui hiện tại
Bếp ăm ăn-linh
Anh viết thư cho người yên bằng tay trái
Đời vẫn xanh và núi vẫn xanh.

TƯỜNG-LINH

TIEN PHONG



ĐÊM GIẢNG-SINH TRÊN NÚI BẢY NGỌN

• Truyện ngắn của
TRẦN-XUÂN-THÀNH



BẦU trời xanh ngắt hòa với cái nắng một giờ trưa, làm tăng sức nóng nường mái tôn. Vài anh em làm việc văn phòng đang nằm nhắm mắt nhưng hình như họ chỉ nhắm cho khỏe mắt chứ chắc không ngủ được. Mồ hôi tươm ra ướt cả lưng, tôi trở mình trên chiếc ghế bố như trở bánh tráng. Bực mình, tôi chỗi dậy xách cái khăn và lấy cái «ca» bê quay lại rồi đi tắm. Những ca nước giếng mát lạnh dội lên người ly nước đá bào trôi qua cuống họng làm dịu tức khắc cơn nóng nhưng khi mặc xong bộ đồ trần và cột xong 40 lỗ của đôi giày trần thì mồ-hôi đã bắt đầu sôi trên trán. Tôi ra xe xuống chợ Ba Voi. Từ doanh trại xuống chợ không xa nhưng tôi phóng nhanh cố tìm một cơn gió thoáng. Con đường dốc cát cuốn bụi tung lên của chiếc xe dodge ngược chiều làm tôi nheo mắt lại khó chịu. Ngừng xe ở đầu phố, gọi là phố nhưng thật ra chỉ là 1 dãy nhà hơn mười căn vừa lá, vừa ngói thấp lè-tè, cất vôi vàng, còn dãy bên kia có được bốn quán vuông vức giống nhau và cách khoảng đều nhau, ba quán bán cà phê với 1 quán bán tạp hóa, trên con đường đất gợn sóng đầy cát trắng. Tôi định bước vào quán uống một chai bia cho đã khát

nhưng lại bước sang tiệm cô Bảy thợ may kiếm mua một tờ báo.

Cô Bảy mặc bộ đồ trắng thật mỏng như thách đố trí tò mò của bất cứ một người đàn ông nào ; cô ngừng tay cắt, nhìn tôi cười :

— Trưa mà Thiếu-Ủy không ngủ sao ?

— Nóng như vậy làm sao ngủ được, cô Bảy. Còn cô sao không nghĩ mà đứng cắt may hoài tiền đề đâu cho hết.

Cô Bảy cười không trả lời câu hỏi của tôi, mà lại kéo chiếc ghế đầu ở gần bàn cắt ra mời :

— Thiếu Ủy ngồi chơi !

— Báo bữa nay chưa về hả cô ?

— Dạ ! hồng biết sao mà từ sáng tới giờ chưa có chiếc xe nào lên cả. Có lẽ bị mô hay đào đường ở núi Két rồi chắc.

Tôi lắc đầu không nói nhưng cũng đã dư biết vì bàn báo để ở hàng ba của cô Bảy trống trơn ngoài một chồng báo cũ vàng ủa như mớ rau héo. Ở những nơi heo hút n. y chỉ còn có mối liên lạc với Thủ đô bằng những chuyến xe đồ quận lý mang báo lên, lâu lâu, có một bữa bị kẹt mô hay là có « làm ăn » thì báo phải trễ, có khi một hai ngày sau mới có, những tin tức sốt dẻo nhất đều trở thành

cơm nguội nhưng có cơm nguội còn khá hơn là không có.

Nhìn thấy lồng đèn ngói sao bốn màu mới tinh treo ở giữa nhà tôi chép miệng :

— Mai lại đến Lễ-Giang-Sinh nữa rồi. Thời gian đi như gió, quay qua quay lại, mà tôi lên Thất-Sơn này gần ba tháng rồi.

Cô Bẩy cười buồn, không nhìn tôi mà cũng không ngưng tay cắt :

— Buồn qua hả Thiếu-Ủy.

Đến đây, tôi mới để ý trên nóc tủ áo có một bàn thờ Phật, hơi ngạc nhiên tôi hỏi :

— Cô Bẩy đâu có đạo mà mua lồng đèn Nô en.

— Dạ không, tôi mua dùm cho một cô bạn quen có đạo, hai năm rồi cứ đến Lễ-Giang-Sinh là tôi mua một lồng đèn.

Tôi kéo dài câu chuyện cho có chuyện :

— Ai vậy cô Bẩy ?

Cô Bẩy xếp cái thân áo vải bông vừa cắt xong nhìn tôi nói :

— Vợ của một người lính đã mất tích.

Cô Bẩy giở cái nắp bình rót nước trà mời tôi uống. Nhấp một hớp trà, thấy câu chuyện có vẻ lạ, tôi gọi-đề cô Bẩy nói rõ hơn :

— Ủa, sao vợ của một người lính mất tích mà lại nhờ cô mua lồng đèn Giáng-Sinh ?

Cô Bẩy không đáp ngay mà chỉ bày ra bàn một xấp vải đen lấy dây đo và đánh dấu bằng phấn tho may mỏng và tròn. Cô lại ngồi lên chiếc ghế đầu ở cạnh chiếc máy may Singer cũ, tróc cả sơn loang lổ như có ghê. Tôi nhìn ra nắng chói chang, đằng xa, dãy núi cấm dựng đứng như bức chắn, ngăn tầm giới hạn của mắt. Lá quốc kỳ vàng ánh uốn lượn một chỗ in vào nền xanh của núi, trước sân bộ chỉ huy Trung-Tâm Huấn-Luyện, Doanh trại dựng những dãy dài ngang dọc thẳng hàng, thứ tự nọ tắc trên ngọn đồi thấp nhất chân núi mà từ dưới chợ Ba Voi nhìn lên nhỏ như một sa-bàn. Bóng dáng vài quân nhân đi động trên những đường dốc cát của Trung Tâm làm cho căn cứ như rộng lớn vô cùng. Về mặt cô Bẩy buồn buồn, đôi mắt đắm chiều khiến tôi hơi ngại rằng đã vô tình xúc phạm đến một di tích kỷ niệm nào đó. Tôi móc túi lấy gói thuốc, cài một điếu lên môi châm lửa như kéo dài thời gian để tìm một câu nói khéo, nhưng cô Bẩy đã lên tiếng :

— Cách đây hai năm, lúc ấy ở đây đâu có được vui như bây giờ,

đường vắng teo, thỉnh thoảng có vài chiếc xe chạy từ Châu đốc vào «Xà-Tôn» (Tri-tôn). Vài căn nhà nhỏ cất xa nhau như ai không muốn làm quen với ai. Lúc bấy giờ người còn thừa thớt lắm ngoài mấy ông lính ở trong trường với vợ lính thôi à! Quán xá hồi đó có một tiệm cà phê, hủ tiếu, nấu cơm tháng cho lính hay Sĩ quan ở Trung Tâm và những đơn vị lên đón hay đưa lính đi thụ huấn ở đây thôi. Lúc đó, tôi cũng mới lên được vài tháng ở căn phố bà Tiền bán đồ tạp hóa bấy giờ đó.

Cô gior tay chỉ về bên trái, tôi cũng đã biết căn nhà lợp ngói bán những đồ dùng lật vật lậu thuế ở Tỉnh Biên đem qua và cả những « đồ lậu » từ Saigon mang lên nữa, nên cũng trở thành hết lậu. Tôi uống một hớp nước, búng tàn thuốc ra hàng ba. Cô Bảy xoay tròn cuốn chỉ « cây dù trắng » nói tiếp :

— Một số lớn quân nhân không mang gia đình đến. Ở chỗ «khí ho», khí hậu đã không tốt mà cái ăn cái ở cũng mắc mớ, thỉnh thoảng cha mẹ vợ con cũng có lên thăm đôi ngày rồi về. Tôi cũng có quen một số anh em quân nhân thường ra đây mua báo, sửa bộ đồ trận hay thêu cái bằng tên, trong số này có Ông Tịnh, Chuẩn úy ở Sư-đoàn... dẫn lính lên trên này để thụ huấn



lại. Ông ta trẻ, hiền và ít nói lắm. Ngày nào cũng ra đây mua một tờ báo, coi một lát rồi mới chịu đi. Ngày nào cũng vậy thành ra tôi biết ý và biết cái tật của ông ta chiều chiều thường thả bộ đi vòng vòng ở ngoài này, hai tay chấp sau lưng, đặc biệt là ông ta không đi chung với ai bao giờ. Mấy người lính quen hay cán bộ thỉnh thoảng có mời ông uống rượu hay cà phê, ông cũng không ghé. Chẳng khi nào tôi thấy ông ta hút một điếu thuốc cả. Tôi thường nghĩ lính như ông ta không biết uống rượu, hút thuốc và không cả cà phê nữa chắc là ông ta có đánh giặc cũng « yếu » lắm. Đôi khi ông nói chuyện với tôi, nhưng cũng không ngoài vài câu chào hỏi. Tôi đoán ông này chắc « nhát » lắm và chưa có bồ. Nhưng thật ra tôi đã lầm.

Một bữa trưa, Ông Tịnh lái chiếc xe Jeep không mui ngừng trước tiệm tôi hồi còn ở đường đó. Trên xe có một người con gái mặc một chiếc



Tâm, nên ông ta muốn « gửi » cho tôi. Chắc Thiếu úy cũng biết, những nhà dân chúng ở chung quanh chợ Ba Voi này đôi khi trở thành những phòng ngủ bất đắc dĩ cho vợ con và thân nhân của lính ở xa lên thăm.

Chuẩn úy Tịnh nói :

— Cô Bảy vui lòng cho hôn thê tôi nghỉ tạm một đêm rồi mai cô ấy về sớm.

Tôi cười :

— Một mình « bà » thì được, còn có « ông » thì không được. Nói có vậy mà ông Tịnh cũng đỏ mặt, còn

áo tím nhạt, đầu cột chiếc khăn voan xanh thật mỏng. Hai người đi vào tiệm. Tôi hơi ngạc nhiên. Sau khi giới thiệu tôi được biết người con gái mặc chiếc áo tím đó là hôn thê của ông ta, mới lên thăm nhưng vì không tiện để nghỉ ở trong Trung

Nhà xuất-bản NGƯỠNG CỬA

GIỚI THIỆU VÀO ĐẦU NĂM 1967 :

LUÂN-HOÀN : CHẾT TRONG LÒNG NGƯỜI, VẾT LẪ. **VƯƠNG-THANH** : VẾT THƯƠNG, **NGUYỄN-KIM-PHƯƠNG** : LUẬT THỜI CHIẾN. **HÀ NGUYỄN-THẠCH** : NỖI TÌNH CỜ, NGOẠI KIA, MẶT TRỜI. **NGUYỄN NHỎ SA MẠC** : VÀNG LẠNH, **THÀNH-TÔN** : 100 BÀI LỤC BÁT, THẮP TÌNH.

Địa chỉ liên lạc :

— SAIGON : Lê-Hân, Cư-xá Đại-học Đắc-Lộ — ĐÀ-NẴNG : Luân-Hoàn, 96, Triện Nữ Vương — QUẢNG-NGÃI : Hà Nguyễn Thạch, 43 Phan Bội Châu.

cô Ái tên vị hôn thê của ông Tịnh hẳn môi cúi gằm xuống. Lúc này tôi mới để ý đến cô ta đáng người thật nhanh, và rất có duyên. Đôi mắt to mở rộng như người lạc bước bỗng ngỡ thấy mình ác mệnh, tôi vội nói: — Ở đây tôi chỉ có cái ghế bố nhưng không có mùng. Chuẩn úy phải cho mượn cái mùng mới được.

Cả hai người nhìn tôi, cảm ơn. Ông Tịnh lái xe vào trường, để lại cô Ái với xách tay khá lớn. Tôi chỉ chỗ cho cô ấy thay áo, rửa mặt và nằm nghỉ tạm trong buồng mà vách ngăn chỉ là một cái tủ áo.

Buổi chiều ông Tịnh mang cái mùng nhà binh ra, dẫn cô Ái đi ăn cơm chiều. Cả tháng trời tôi mới thấy ông Tịnh ngồi quán. Ăn xong, hai người đi một hai vòng chợ Ba Voi rồi về. Tôi đốt ngọn đèn lớn để ở bàn và đi nằm buồng trong. Hai người ngồi nói chuyện đến gần khuya. Nghe lỏm bôm, tôi được biết cuối năm đó họ sẽ làm đám cưới và câu chuyện chỉ loanh quanh về cưới hỏi.

Hơn tháng sau, khoảng 20 tháng Chạp dương lịch, Ông Tịnh mang cái lồng đèn Nô-En đến nhà tôi, ông ta nói:

— Lễ Giáng-Sinh này tôi không được giấy về phép. Hôn thê của tôi nói sẽ xuống đây với tôi trong lễ

Giáng Sinh và đi xem lễ ở đây. Chắc chúng tôi sẽ làm phiên cô Bảy một hai bữa nữa. Tôi vui vẻ nhận lời vì ở đây lâu được tiếp một đôi trai gái son trẻ cũng là một dịp vui vui cho mình. Hơn nữa, tôi lại là gái hết thời xuân cũng muốn thấy mình vui trẻ lại dấu chỉ là cái vui của người khác. Tôi hỏi:

— Chuẩn-Úy mua đèn Nô-En rồi chừng nào «bả» lên, Chuẩn-Úy có tổ chức ăn «rê-vây-dông» không?

— Có lẽ là 23 thì lên, nếu trẻ thì cũng sáng 24. Tôi cũng muốn tổ chức nhưng chỉ có hai đứa, mà ở đây thì không có ai làm gì cả.

Tôi đề nghị:

— Hay là Chuẩn-Úy mua gà đi rồi bữa nào «cỏ» lên tôi với «cỏ» cùng làm rồi đêm Giáng Sinh mình tổ chức ăn lễ nửa đêm.

Ông Tịnh mừng lắm và đưa tiền đi mua một con gà giò. Tôi đem treo đèn Ngôi sao ở giữa nhà đợi đến đêm Giáng Sinh mới đem treo ở đằng trước để tránh nắng.

Nhưng đến chiều 22, tôi điếng hồn khi được tin Chuẩn-Úy Tịnh đã mất tích trong đêm hôm trước. Tôi hỏi kỹ ông Trung-Sĩ trong đơn vị của ông Tịnh thì được biết đêm hôm trước, ông dẫn lính đi kích vì có tin các toán V.C lẻ tẻ ở biên



giới lên sang để khuấy phá và dự định phá kích vào Trung-Tâm. Chuẩn Ủy-Tịnh dẫn trung đội đi để chặn đánh trước ở cạnh núi Cẩm. Trong khi chạm súng, Ông ta đã hạ được gần trọn Tiểu Đội địch nhưng không ngờ địch có một quân số đông gấp bốn năm lần, chúng ồ-ạt tiến lên và hai bên đánh cận chiến được 15 phút thì địch bị đẩy lui và ông ta mất tích trên đèo hôm đó. Bên này lấy được 1 khẩu súng một-chê với 4, 5 cây súng gì nữa đó, và bị thương hai người ngoài ông Tịnh mất tích. Ông Trung-Sĩ nói ông Tịnh rất can đảm và bình tĩnh ngay cả lúc cận chiến, ông ta đã hạ được ba tên bằng « bai-don nết », vừa đánh vừa chỉ huy.

Nghe xong tôi buồn và lo quá. Đến trưa 24, cô Ái đã lên tới và

ghé lại tiệm tôi. Tôi phải cố gắng và bình tĩnh lắm mới có thể báo cho Ái nghe hung tin đó. Ái ngồi nghe lặng người một lúc lâu, nhìn thẳng vào mặt tôi như có vẽ không tin. Một lát sau, Ái mới mở miệng nói thật nhỏ :

— Rồi bây giờ em làm sao hở chị ?

Tôi cũng không biết nói thế nào cho phải. Ái vào phòng nằm khóc cho đến khuya không ăn uống, không nói năng gì đến ai. Tôi ái ngại, không dám khuyên can gì, vì sự đau khổ của người con gái chỉ có nước mắt và cô đơn an ủi được họ thôi. Gần 10 giờ khuya, tôi pha một ly sữa mang vào cho Ái, khuyên lơn Ái như một người chị ruột tuy chúng tôi mới quen nhau :

— Ái uống sữa đi rồi chúng ta cùng đến nhà thờ xem lễ nửa đêm và cầu nguyện cho Tịnh, biết đâu nhờ một phép nào đó mà Tịnh có thể về được.

Nghe nói cầu nguyện cho Tịnh, Ái gượng gạo trở dậy sửa lại mái tóc. Tôi ái ngại khi nhìn thấy hai mắt to sưng húp của Ái. Tôi tuy không có đạo nhưng cũng vào nhà thờ quỳ bên Ái cầu nguyện cho Tịnh được nhiều may mắn. Đêm 26-En đó chúng tôi không biết những gì đã xảy ra ở

chung quanh chúng tôi và lồng đèn
ngôi sao đêm đỏ của Tịnh mua
cũng đã quên đốt lên. Sáng hôm
sau Ai về chuyển xe sớm từ Xà-
Tôn ra Châu-Đốc. Trước khi xe
chạy, Ai có nói với tôi :

— Nô-En năm tới, tôi sẽ lên đây
cầu nguyện cho Tịnh.

Tôi thở dài, nắm tay Ai mà nói
không được gì hết. Thế mà Noel
năm rồi, Ai cũng mặc chiếc áo màu
hoa cà và chiếc khăn voan xanh ấy.
Ai bảo Tịnh ngày xưa thích Ai mặc
áo màu tím. Tôi cũng có nghe anh
em quân nhân ở đây bảo Tịnh đã
bị V.C giết khi định vượt ngục
nhưng cũng không có gì đích xác
nên tôi cũng không dám nói cho Ai
nghe vì chẳng thả hy vọng một việc
không bao giờ tới cũng còn hơn là
thất vọng. Tôi và Ai cũng đi nhà
thờ và cùng đốt ngọn đèn ngôi sao.
Ai bảo :

— Biết đâu anh Tịnh trông thấy
ngọn đèn ngôi sao này mà có thể
về đến đây được, đứng vào đêm
chúa Hải Đồng ra đời.

Cách đây hơn tuần lễ tôi có được
thư Ai nói rằng sẽ xuống đây như
năm trước trong thư Ai có dặn tôi
mua một cái lồng đèn, thế nào có
ấy cũng xuống tới...

Tiếng cô Bảy dứt từ bao giờ

nhưng tôi vẫn nghe như câu chuyện
ăn ức còn nuôi tiếc. Ngoài kia
cái nắng đang lên con trời xoáy cát
dựng đứng 4, 5 thước. Tiếng cô
Bảy thở dài :

— Làm thân con gái mà yêu lính,
khổ quá phải không Thiếu-úy :
Tôi cười băng quơ rồi gạt đầu
không nói. Một người đàn bà gánh
1 dây đèn ngôi sao lớn nhỏ đủ
màu đi ngang qua tiệm cô Bảy,
5, 7 đứa trẻ chạy theo sau như
muốn sờ mó vào những lồng đèn
màu sắc. Tiếng máy xe hơi ở bên
hông nhà hục hặc cùng lúc với tiếng
reo của vài người ở bên quán.

— Xe đồ lên... xe đồ lên...

Chiếc xe đồ đã quẹo và ngừng
trước quán cà phê bên kia, chiếc xe
cũ và đã «gió sương» đến nỗi không
biết nó là hiệu gì. Hơi nước ở đầu
máy bốc lên như một người thở dốc
mệt mỏi sau cuộc hành trình dài và
vất vả. Anh lơ leo lên mui tháo giày
chuyển xuống những thùng nước
ngọt. Anh tài xế nhìn vào tiệm Cô
Bảy la lớn :

BÀI VỜ XIN GỬI VỀ :
Tòa soạn TIỀN PHONG
PHÒNG THÔNG-TIN BÁO CHÍ
KBC : 3168

— Ra lấy báo cô Bảy ơi.

Cô Bảy từ nhà trong chạy ra vòng qua bên hông phải để lấy báo. Vai người lính ghé lại tiệm cô Bảy chờ đợi mua báo. Tiếng xe gài số kéo to dài, một nhọc. Chiếc xe như dừng dằng phản kháng rồi mới chịu từ từ xê dịch. Cô Bảy một tay ôm chông báo đã xếp tư, một tay nắm tay một người con gái mặc chiếc áo tím màu hoa cà, cái khăn voan trắng nhạt đã trễ xuống cổ áo. Có lẽ là Ái. Cô Bảy bỏ xấp báo trên bàn báo mặc cho mấy anh em quân nhân bời tung lên, để dẫn người con gái mặc chiếc áo tím vào nhà. Tôi vác chiếc ghế đầu ra hàng ba cầm một tờ báo xem những hàng chữ to chạy dài suốt trang báo. Tôi nhìn lên người con gái. Ái đẹp thật một nét đẹp] buồn cái buồn nặng, trĩu chừng có thể làm khuỷu cả thân hình ốm thanh của nàng. Đôi mắt to đen nhánh mở rộng sau hàng mi cong vút như đang nhìn vào khoảng hư không nào đó, một vai nét mặt mỗi trên gương mặt và chiếc áo tím với vài nét nhả ở tà áo như nhân hai lần nỗi buồn của Ái. Thật là hòa hợp màu sắc của tác phẩm mang một chút nào nùng, một chút kiêu sa.

Cô Bảy nhìn tôi thật nhanh như nhắc cho tôi biết nhân vật của câu chuyện cô vừa kể đã đến. Tôi gật

đầu, móc túi trả tiền tờ báo rồi bước ra xe mà không quên nhìn chiếc lồng đèn ngôi sao bốn màu. Tôi lái xe chạy thật chậm như e sợ tốc độ của chiếc xe làm bay mất những hình ảnh của người con gái áo tím hoa cà và câu chuyện tình vừa nghe.

✱

Ngày 24 tháng chạp vào đúng thứ bảy. Chỉ có vài hạ-sĩ-quan bận việc văn phòng còn bao nhiêu thì đổ ra doanh trại của Tiểu đoàn trang hoàng công ra vào bằng những tàu dừa nước chặt ngắn với cánh hoa rừng đầy hương và sắc nhưng vô danh. Bốn chữ « Mừng Chúa Giáng-Sinh » được anh Lập cắt bằng những giấy màu xanh lá cây và màu huyết dụ phản chiếu rất đẹp.

Chiếc đèn ngôi sao lớn treo ở giữa



cồng. Hai bên có 2 giầy đèn xếp bằng giấy màu. Hầu hết anh em trong đơn vị đều trang hoàng cổng hay doanh trại không phân biệt là Lương hay Giáo. Mỗi người đều góp một số tiền nhỏ mua bánh hỏi thịt quay và vài chai nếp than để ăn nửa đêm.

Tôi ra sau leo lên trên nóc bằng lô cốt chìm một nửa ở dưới đất ở gần đầu phi đạo của Trung Tâm. Hai hôm nay trời thật trong, xanh ngắt nhưng lại không nóng, gây một cảm giác thoáng mát và nhẹ nhàng, một ít mây trắng mỏng quẩn ở lưng chừng núi như chiếc khăn voan quàng cổ một cô gái. Những ngọn núi nhỏ rặng cựa không đều ở xa, những hàng cây chà là cao thẳng như cây cau, lá to và ngắn mang những vẻ hoang sơ, một chiếc xe hàng di động ở trên núi Két nhỏ tí ở đằng xa. Nhìn xuống dưới chợ Ba Voi với những dãy nhà thưa thớt tro tro vắng tanh như một miền mới khai phá. Nhìn cây thập tự trên nóc nhà thờ bé nhỏ thu mình giữa khoảng rộng mênh mông, tôi chợt nhớ đến cô gái áo tím hoa cà với những nét lãng mạn, kiêu sa và náo nùng. Hơi hồ thẹn với mình tôi vội nhảy xuống lô cốt vào doanh trại.

Trăng Thượng tuần cao tỏa màu nhạt, tôi lững thững đi bộ xuống chợ Ba Voi. Lác đác các doanh trại

cũng đã đốt những lồng đèn ngôi sao hay đèn xếp, cổng chào bằng lá dừa còn tươi thơm. Những người lính tụ họp quây quần bên những hàng đá, máng cỏ nhỏ nhắn xinh xẻo với những chiếc bóng đèn xanh đỏ chớp tắt của các đơn vị. Phố chợ Ba Voi cũng đã có những nhà đốt đèn ngôi sao rải rác, người đi lại đông đúc toàn là lính, lính mặc đồ lính và lính mặc đồ « xi vinyl », tuy ở đây chẳng có phố đèn mà đi.

Gần mười giờ, Thánh lễ đã bắt đầu vì tình hình địa phương nên lễ được tổ chức sớm hơn. Ngoài sân dọc theo hàng rào, và từ tượng Đức Mẹ ở gần giữa sân bên dãy đèn ngôi sao lớn nhỏ cách khoảng đều nhau treo cao đến cây thập tự ở trên nóc nhà thờ bằng tôn. Trong nhà thờ đèn nền trắng sáng choang lung linh. Các con chiên đã đến để cầu nguyện, phần lớn là quân nhân và gia đình. Họ quỳ trên bục gỗ, hai tay nắm lại chống trên một bục cao mang đầy vẻ thành tín. Ở đây trong bóng Chúa, họ là những con chiên đang cầu xin cứu rỗi cho họ và cho người đồng loại đầy tội lỗi và mù quáng. Họ xin xã thân để bảo vệ những thiêng liêng và diệt những sa tăng trong lòng mỗi con người. Tôi thấy xúc động và tuy không có đạo nhưng tôi tin có Chúa trên trời và tôi lại tin hơn nữa



những người đang tìm sáng danh Chúa ở đây.

Đứng bên hông trái nhà thờ, tôi đã trông thấy Ái nghiêm trang thành khẩn. Có lẽ nàng đang cầu xin Chúa Hải Đồng một phước lành hay một ân huệ cho người yêu. Qua ánh nền lung linh gương mặt nàng trở nên thánh thiện. Những nét nảo nùng, kiêu sa, lãng mạn đã bay bổng mất hút.

Tiếng một tràng đại liên nổ dồn từ phía bên phải núi Cẩm làm tôi giật mình quay lại cùng lúc những loạt súng nhỏ bắn đều đặn. Tôi bước ra khỏi khuôn viên nhà thờ. Một tiếng bụp nhỏ khô khan ở nửa lưng không gian rồi một đốm sáng hiện ra lơ lửng ở không gian. Lại những sa tăng đã về chặn đường không cho những con chiên đón Chúa. Nhưng chúng chỉ có thể làm chân bước chứ không thể làm dừng bước những tâm hồn mang

thiên lương. Càng lúc tiếng súng càng nổ to và dồn. Những trái sáng dù treo trên 1 vùng núi sáng rực xô đẩy cả ánh sáng của trăng màu sữa. Những bóng cây, bóng nhà, bóng người tùy theo những trái sáng chạy giật về sau như ma đuổi. Mỗi trái sáng càng xuống thấp, các cái bóng càng chạy nhanh. Qua những ánh sáng ở nửa lưng không gian, các con Chúa đã đón nhận diện được Sa-Uăng. Những viên đạn lửa thật đỏ cách khoảng thật đều, thật thẳng như những làn roi quất vào mặt ác quỷ. Tiếng đạn thưa dần. Sa-Tăng chắc đã ngã quy hay đã trốn chạy trong khi tiếng những bản Thánh-Ca trầm, dài đều văng vẳng trong không gian.

Đi ngang qua nhà Cô Bảy, nhìn thấy ngọn nền lung linh trông lồng đèn ngôi sao, tôi nghĩ nếu Tịnh còn sống thì ở nơi đó Tịnh cũng sẽ được an ủi hay Tịnh đã về nước Thiên Đàng thì cũng biết chắc rằng ở trần gian này vẫn có tình yêu và lòng chung thủy.

Một tràng đạn đại liên gạch thẳng cách khoảng đều nhau vút vào không gian đen thẫm cao sâu và mất hút như báo hiệu giờ Trọng-đại của ngày Trọng đại : Chúa Hải-Đồng ra đời, Tình Thương Lên Ngôi.

TRẦN-XUÂN-THÀNH

TIỀN PHONG

KHÔNG ĐỦ TIỀN

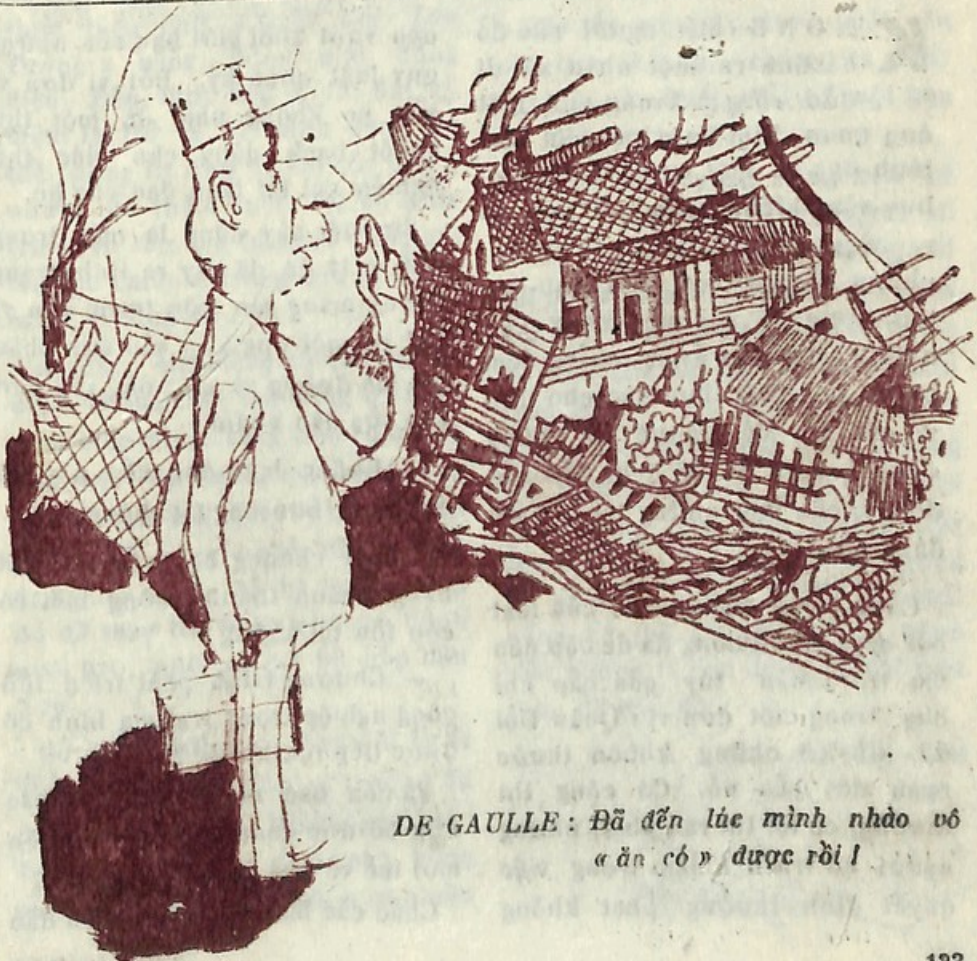
Trong điện Cẩm-Linh, mấy ông Tướng Cộng-sản bàn chuyện chống Mỹ:

— Ta có thể tung 10 gián điệp sang Hoa-Kỳ. Mỗi người trong bọn mang theo một cái va-ly trong đựng một trái bom nguyên-tử cá-nhân. Họ sẽ phân tách đi Nữu-Uớc, Détroit và nhiều nơi khác nữa. Các đồng-chí tính sao?

— Không thể được.

— Tại sao? Chúng ta có bom nguyên-tử nhiều hơn số căn-dùng kia mà.

— Đồng ý là bom nguyên-tử thì có đủ rồi. Nhưng còn va-ly? Chúng ta đâu có sản xuất đủ va-ly và làm gì còn tiền mà đi mua va-ly.



DE GAULLE: Đã đến lúc mình nhào vô
« ăn cỏ » được rồi!



nhà sập đời hoang

- buổi sáng lên nhà sập
ám khói
đời hoang
qua mùa loạn biến
gạch ngói vùi say giấc ngủ ngoài ngàn
từ đây con đường đất đỏ
đi về miền sông vắng
lò gạch vươn tay ngờ ngang.
- đây trước là gì ?
rêu xanh nẻo về Lưu Nguyễn
vẫn trời đất Việt-Nam
tọa độ li-ti một trăm phần ngàn.
- con sông từ đâu tới
không chuyển đồ ngang
đàn chim bay mãi

ngọn đồi chênh-vênh
cỏ rạp bên sườn tóc rối
nhà sập ngồn ngang
lò gạch xa im lìm nhà khói !
làng thôn xa ven bờ sông cái
bầy giờ còn mờ hơi sương
chưa vang lời ca tiếng gọi.

• thềm con đường đó
trang thơ yên lành
trường xa vang lời chim nhỏ...
vết chân qua sân đình
giờ này theo me ra chợ,
theo cha thăm vườn ruộng xanh
— giờ này,
súng dựa tường rêu căn nhà thỉnh-lặng !

• bên kia bờ sông vắng
bên này đôi tranh
8 giờ học bài tuần chiến
bờ-bụi còn ru
giắc ngủ chập chờn
một chấm li-ti ghi vào trục tiến
tọa độ bên đường cô đơn.

Ý - YÊN
(Lời ca Du Tử)



THĂM - THÚY - HẰNG

tiên phong

Những người không chết

• NGUYỄN-ÁI-LŨ

MƯA ào ào tạt đổ xuống thành phố. Sau trận mưa lớn, mặt đường chỉ còn lại những vũng nước đục ngầu, hừng hực bốc hơi dưới ánh nắng gay gắt. Thành phố đã vào mùa mưa. Chiến tranh đang ở mức độ sôi bùng.

Chín tháng trôi qua. Nghĩa đã rời trường bộ binh và được chuyển đến khu vực Thành. Cái tên này nghe xa xăm, ớn lạnh như một miền đất chết mà ít người muốn đến, bởi vì nó nằm sát chiến khu D và đã bị địch chiếm một lần.

Từ trên máy bay trực thăng nhìn xuống qua khung cửa trống, Nghĩa chỉ thấy một khu đất trắng lợt giữa biển rừng mênh mông vây hãm. Một con đường đất hẹp bơ vơ chạy từ tỉnh về đến Biên Hòa. Ngoài những mau man rợ; căn cỗi của rừng và đất cát, không có một



dấu hiệu văn minh nào xuất hiện dưới tầm mắt Nghĩa. Chàng có cái ý nghĩa mình đã đến một nơi hoang sơ tận cùng của trái đất. Bao nhiêu nguy hiểm đang đợi chàng trên mảnh đất mà thiên nhiên còn tự do ngự trị.

Đại đội Nghĩa nằm sát sân bay. Hơn mấy chục con người phức tạp sống trong những gian nhà tranh trống rỗng, mục nát. Họ dựng áo mưa làm vách che mưa gió và giăng những cái võng ni lông để thay chỗ giường. Một phi đạo gỗ ghè chắn phía sau. Rừng quây trước mắt và hai bên hông. Những vách rừng chẳng chịt, đen tối, dọa nạt, sừng sững vươn lên choán hết tầm mắt của con người.

Các binh sĩ ở đây đã quên đời sống của chính họ. Ngày, đêm, họ sống lẫn lộn không còn biết thiếu thốn cực khổ là gì. Mỗi người chỉ chiếm được khoảng đất vừa đủ một người nằm, trên đó họ đã ăn, ngủ, đánh cờ, viết thư, và vui buồn mọi chuyện.

Người đầu tiên Nghĩa gặp là một Thượng sĩ già. Hắn nhìn Nghĩa vàng trán hơi nhăn, đôi mắt kinh ngạc. Miệng hắn cười khô khan :

— Thiếu Úy còn trẻ lắm. Về đây Thiếu Úy cần có cái võng

thật tốt và đôi chân đi cho dẻo như các bà đi chợ.

Nghĩa cười trước câu nói khôi hài của người Thượng sĩ. Chàng hỏi :

— Anh chiến đấu đã bao nhiêu năm ?

— Mười lăm năm. Từ khi Tây còn ở đây.

Nghĩa ngắm những huy chương trên ngực hắn. Khuôn mặt đen sạm và thô kệch của hắn chói chan hãnh diện.

— Ông Tiểu đoàn Trưởng ở đâu ?

— Gần đây. Thiếu Úy đi theo tôi.

Người Thượng sĩ dẫn Nghĩa đi gặp ông Tiểu đoàn trưởng ở xa độ một cây số. Một người béo thấp, mặt tròn, đôi mắt đỏ ngầu miệng luôn luôn ngậm điếu si gà ăng lê. Ông ta day đi day lại điếu thuốc trên môi rồi rút ra, miệng nói cộc lốc :

— Anh Nghĩa về coi đại đội. Bọn nó đánh giặc rất giỏi nhưng nhiều thằng ba gai.

Ngoài câu nói ấy, Nghĩa không nghe ông tiểu đoàn trưởng nói câu nào khác. Chàng chào ông ta, vội vàng quay về đại đội. Nhớ lại bộ mặt lầm lì và đôi mắt đỏ ngầu của

ông tiểu đoàn trưởng, Nghĩa hỏi lại người Thượng sĩ:

— Ông ấy thế nào ?

— Khó tính lắm. Chơi bời một cây.

— Ở chỗ này cần có những người như thế.

Người Thượng sĩ gật gù không nói. Trước khi Nghĩa đến hẳn vẫn coi đại đội. Bây giờ hẳn làm đại đội phó. Tình trạng thiếu hụt quân số vẫn chưa kịp bổ sung.

Vừa sửa lại xong doanh trại, đơn vị Nghĩa được lệnh di hành quân. Mọi người phải mang theo năm ngày ăn. Chỉ một hai người bệnh phải ở lại doanh trại. Trời mưa tầm tã. Nền trời u ám nặng nề. Từng cánh quân cắt rừng đi, không dám đi trên đường mòn vì sợ mìn. Trước khi gặp địch, rừng là một kẻ thù đáng lo sợ. Cây cối chằng chịt đan sát nhau, ngăn cản bước đi của đoàn người. Màu xám xanh của rừng trùng điệp miên man. Đoàn người hoàn toàn mất hút trong rừng già sâu thẳm. Nghĩa chỉ còn liên lạc với ông tiểu đoàn trưởng và phi cơ L. 19 qua máy truyền tin. Lực lượng hành quân chỉ có một tiểu đoàn, chia thành ba mũi tiến sâu vào giữa chiến khu địch. Thâm ý của Bộ Chỉ huy Biệt Khu muốn

gây cho địch hoang mang, giao động và bắt an.

Đến trưa, cánh quân Nghĩa dừng lại nửa giờ nấu cơm. Những cành cây được bẻ cong xuống để binh sĩ treo nồi, nồi lửa nấu cơm. Ngọn lửa tàn ác đã thiêu rụi cả những cành củi ướt nhớp nháp.

Cơm chín, binh sĩ vừa đi vừa ăn. Có anh vừa đưa cơm vào miệng, vừa lấy tay kéo những con vắt



cắn chặt vào cổ hút máu. Mùa mưa, rừng đầy vắt. Con vắt chỉ nhỏ bằng đầu que tăm bám sẵn trên lá cây. Khi người thấy hơi người đến gần, nó nguậy và dính vào da thịt. Chỉ một lát sau mình nó mọng đỏ bằng đầu chiếc đĩa. Nghĩa rừng mình thấy con vắt vừa bám chặt vào cổ tay chàng. Con vắt này không sợ chất hóa học mà chàng đã bôi lên người để trị vắt muỗi. Rồi chàng giết chết con vắt đó.

— Sắp qua tuổi chúng ta nên cần thận.

Người Thượng sĩ dẫn dò các bạn đồng đội trước khi vượt suối. Hẳn lội xuống suối trước tiên, đi ngược dòng suối một khúc xa rồi mới băng lên bờ. Những vết chân của hắn trên mặt cỏ đều được sủa bỏ. Toán quân đi sau làm đúng theo hã. Không ai dám bẻ cây vì sợ trình sát địch biết và bám sát. Chiều tối. Cảnh quân dừng ngay giữa rừng. Những chiếc võng được giăng lên giữa hai thân cây. Mỗi người lính lấy áo mưa phủ kín người rồi lặc ư ngủ. Chiếc máy truyền tin ngừng liên lạc. Bóng đêm rừng rợn bao trùm lên tất cả. Những kỷ niệm về tình yêu vụt hiện trong óc chàng rồi tan biến nhanh chóng. Nghĩa cảm thấy rã rời thân thể. Chàng nhắm nghiền mắt lại. Giấc ngủ đến với chàng nặng nề ám ảnh. Thỉnh thoảng tiếng các kẻ nghiền lên cắt đứt giấc ngủ của chàng.

Sáng sớm hôm sau rừng mờ mịt hơi sương. Đoàn người lại tiếp tục

đi. Địa thế thêm khó khăn. Đồi, núi, khe suối, rừng rậm chập trùng nối tiếp nhau.

— Thiếu-Úy đã thấm mệt chưa? Người Thượng sĩ già ái ngại nhìn Nghĩa hỏi. Mồ hôi bắt đầu vã trên mặt hắn.

— Chân tôi bị trầy. Nhưng vẫn còn đi được.

— Thiếu-Úy hãy băng bó chân. Minh chưa đến mục tiêu và còn phải lo đường về. Người Thượng sĩ ra hiệu cho nhân viên y tá lại săn sóc chân Nghĩa. Ngay lúc ấy, một tiếng nổ ầm rung chuyển mặt đất. Tiếng nổ chỉ cách Nghĩa vài chục thước. Chàng vội vàng nói với chuyên viên truyền tin :

— Hỡi các trung đội xem tiếng nổ ấy ở đâu? Báo cáo ngay cho tôi biết.

Chuyên viên truyền tin gọi các trung đội. Hắn vừa cầm ống nói sát bên tai, vừa hướng về phía Nghĩa :

— Trung đội ba báo cáo một binh sĩ đạp phải mìn trên đường mòn. Xin tản thương gấp.

Năm 1959, một công dân Xô-viết bị kết án 5 năm tù vì đã hô to «Đả đảo Khrouchchev!». Mới đây, khi được thả ra, anh ta bèn hô to «Vạn tuế Khrouchchev». Thế là anh ta lại bị 5 năm tù nữa.

Nghĩa giật ống nói ra lệnh cho các trung đội dừng quân lục soát xung quanh và các đường mòn. Chàng gọi ngay tiểu đoàn trưởng xin tản thương. Rồi chàng đi lại chỗ có tiếng nổ. Một binh sĩ bị cụt hai chân, chỉ còn nửa thân hình bầy nhầy, nát vụn, đẫm máu, văng xa khỏi chỗ nổ trên đường mòn độ mười thước. Hắn đáp phải mìn chống chiến xa. Sức mìn ép rất mạnh. Trước cái chết đột ngột của người lính trẻ tuổi, Nghĩa cảm thấy vất vẹo. Cái chết vì nghĩa vụ giữa con người với con người không có gì so sánh nổi.

Người trung đội trưởng phân trần với Nghĩa :

— Anh này là tân binh. Mới cưới vợ một tháng. Gia đình ở ngoài Quảng-Trị.

— Máy bay sắp tới, Anh cho đốt khói trắng ở chỗ trống để máy bay đáp xuống. Còn tử thi gói đầy đủ vào cái áo mưa. Lát nữa sẽ đưa lên máy bay.

Người trung đội trưởng vội vã thi hành khẩu lệnh của Nghĩa. Trên ngực của kẻ xấu số còn nguyên vẹn hình ảnh người vợ tươi cười và một dấu thập nhỏ. Nghĩa nghe thấy tiếng khóc ầm ục nổi dậy. Tiếp theo là những lời cầu nguyện thầm thì. Chỉ có người



sống dành tiếng khóc cho người chết. Tiếng khóc là niềm an ủi cuối cùng. Một lát sau trực thăng tới. Gói thịt được chuyển về hậu cứ chôn cất và báo cáo cho thân nhân biết tin.

Ngoài tiếng mìn nổ vẫn không thấy bóng dáng địch quân xuất hiện. Rừng vẫn âm u, bí hiểm. Mặt trời đã lên khá cao. Ánh nắng đỏ xuống nóng bỏng. Mùi đất ẩm thấp quyện với mùi xác lá vữa trên mặt đất nồng nặc bốc lên. Một âm thanh rầm rì xa lạ của rừng chuyển động khắp vùng. Hàng triệu côn trùng như ngọ nguậy, vùng vẫy dưới những lùm cây kín bưng.

Cánh quân Nghĩa vẫn băng rừng đi. Nhìn vào bản đồ chàng thấy mới vượt được nửa đường. Mục tiêu vẫn còn xa. Một vài tiếng súng bông rêu lên. Địch vừa bắn lên vào cánh quân của chàng. Tiếng súng nổ đàn áp nghe dữ dội hơn. Địch liền cầm họng súng. Toán quân

Nghĩa không có ai bị thương. Đến trưa, mọi người dừng chân, hấp tấp nấu cơm rồi lại di chuyển. Nghĩa thấy trong người nóng ran, cháy cổ và thèm nước. Bị đồng nước của chàng đem theo đã cạn từ bao giờ. Chàng phải uống nước suối đun sôi.

Cuộc hành trình lần quần trong rừng kéo dài đã ba ngày. Nghĩa thấy tinh thần căng thẳng. Buổi chiều ngày thứ tư đơn vị Nghĩa đến mục tiêu. Một khu trại lớn của địch xuất hiện ở gần sông Mã là. Những lối vào trại đều có chướng ngại vật. Từng loạt súng lớn bắt đầu nổ. Cảnh quân Nghĩa tiến thẳng vào hướng địch. Mặc dầu mệt mỏi, mọi người vẫn còn đủ gân cốt xung phong. Tiếng kèn náo nức thúc giục. Toàn quân đi đầu đã lọt vào trại địch. Bộ phận canh gác của địch chống trả yếu

ớt trong chốc lát rồi rút vào rừng mất dạng.

— Năm tên chết. Hai tên bị bắt. Một nam và một nữ. Thu một ít súng cá nhân.

Toàn quân xung phong báo cáo kết quả cho Nghĩa. Chàng cảm thấy toàn thân nhẹ nhõm. Tiếng súng ngừng nổ. Rừng lại chìm trong im lặng. Bóng tối nhập nhoàng đồ xuống như một tấm lưới rộng. Chiếc máy bay quan sát vẫn lượn trên đầu Nghĩa.

Đây là một trung tâm huấn luyện của địch có thể chứa hàng tiểu đoàn. Trong lúc lục soát binh sĩ đã tìm thấy một cuốn sách dạy chơi bài tây bằng Anh ngữ, một bộ đồ-mi-nô, một ít tài liệu, một hòm ướp thịt voi thơm lừng, những hộp gạo còn nguyên vẹn và những vườn trồng bắp cải chi chít.

— Chỉ thiếu chai uýt-ki. Tối nay mình được ăn một bữa cơm ngon. Ngăn này thứ đủ tiếp tế cho bọn mình vài ngày nữa.

Ông tiểu đoàn trưởng cười mãn nguyện. Các cánh quân được lệnh bố trí ngay căn cứ địch và ở bên ngoài.

— Nói với mặt trời sáng mai gửi cho bọn tôi một chai uýt-ki. Chấm dứt.

Đó là câu nói cuối cùng của ông tiểu đoàn trưởng trong máy truyền tin với quan sát viên ngồi trên máy bay L.19. Sau đó chiếc máy bay quay về Biên-Hòa. Lương thực của địch được phân phối ngay cho các cánh quân nấu ăn. Hai cán bộ địch cũng ngồi ăn chung với ông tiểu đoàn trưởng và Nghĩa. Người thanh niên quê ở Gia định, theo địch vào chiến khu từ lâu và được huấn luyện thành cán bộ. Thiếu nữ là một y tá, khuôn mặt tròn, mắt bồ câu, ít nói. Cả hai đều muốn quay về với gia đình. Họ đã đính hôn với nhau rồi.

Trong số những tử thi địch, Nghĩa sững sốt nhận ra một người ở Nam định, cùng quê với chàng và cùng ở một làng. Khi lớn lên hấn vào bộ đội. Bây giờ thi hấn gục chết trên miệng hố cá nhân.

— Tôi còn nhớ hồi nhỏ nó vẫn đánh đáo với tôi. Nó là thằng nghịch ngợm nhất xóm. Không hiểu vào đây nó làm gì?

— Chính trị viên! Người thanh niên trả lời Nghĩa. Sau một lát bàng hoàng suy nghĩ, hấn nói tiếp:

— Anh ấy là cán bộ mùa thu. Bọn tôi là cán bộ mùa đông. Hồi nãy anh ấy định buông súng nhưng không kịp.

Câu chuyện do Nghĩa vừa kể làm cho người thanh niên xao xuyến và cô y tá tự nhiên buồn. Qua ánh mắt của mỗi người, Nghĩa đọc thấy nỗi buồn của chiến tranh và nỗi buồn của thân phận.

Buổi sáng hôm sau, người phóng viên tiền tuyến đi theo cuộc hành quân chụp ảnh, quay phim các tử thi địch và quang cảnh doanh trại bị chiếm đóng. Một bản tin được hấn gửi bằng công điện về các báo quân đội, cho biết những kết quả của cuộc hành quân.



Nghĩa vừa uống xong cà phê thì có tiếng máy bay tới gần. Ông tiểu đoàn trưởng vụt mạnh điều thuốc si gà, liếc mắt bảo Nghĩa:

— Mặt trời đã đến.

Chiếc trực thăng đáp xuống giữa trại. Ông chỉ huy trưởng biệt khu

bước xuống, trong tay cầm sẵn một chai uýt-ki, đồng dặc nói :

— Chai này đặc biệt thưởng cho anh.

Ông tiểu đoàn trưởng đỡ lấy chai rượu, tươi cười đáp :

— Đêm qua chúng tôi được ăn thịt voi muối. Ngon tuyệt. Chỉ tiếc không có rượu.

— Thế hả. Các anh đi lần này hên lắm đấy. Ráng nữa lên.

Ông chỉ huy trưởng đi xem các chiến lợi phẩm, nhìn tận mắt các tử thi địch. Rồi ông thân mật hỏi truyện hai cán bộ địch, đọc lại bản đồ, lấy bút chì mờ khoanh tròn mục tiêu mới và vạch thêm tuyến hành quân. Sau đó ông ta cầm khẩu súng trường Nga còn mới do một tên địch chết bỏ lại, leo lên máy bay đi khỏi.

Cuộc hành quân kéo dài thêm. Các tử thi địch được chôn cất tử tế ngay trong hố cá nhân của họ. Trên mộ người đồng hương, Nghĩa viết một hàng chữ bằng bút chì mờ đen như thế này :

« Chúng mình cùng một quê hương không có hận thù với nhau. Vĩnh biệt ».

Toàn thể khu trại của địch bị tiêu hủy trong biển lửa cháy ngùn ngụt.

Tất cả chỉ còn lại một đồng tro tàn vô nghĩa lý. Những cánh quân tiếp tục đi đến mục tiêu mới. Càng đi sâu vào chiến khu, núi non càng hiểm trở. Một vài binh sĩ bị thương nặng được trực thăng đưa ngay về Tổng Y Viện. Mưa dầm dề suốt ngày. Trong rừng chỉ thấy những khoảng tối âm u, khoảng sáng ngoài bãi trống, muối, vạt và những cạm bẫy bất ngờ. Trong lúc di chuyển có hai binh sĩ trong cánh quân Nghĩa tự nhiên nổ súng. Ông tiểu đoàn trưởng la hét trong máy :

— Đưa nào nổ súng. Không có địch mà bắn cái gì. Báo cáo ngay cho tôi biết.

Nghĩa hỏi các trung đội. Chẳng cau mày nghĩ ngợi, nói nhanh vào máy :

— Hai tên thám báo của tôi bắn. Chúng nghi là có địch xuất hiện.

— Tức ngay súng và chỉ cho mỗi đứa một trái lựu đạn đi về trình diện Biệt khu.



— Đề họ đi như vậy nguy hiểm lắm.

— Cứ bắt họ phải đi. Tôi muốn họ phải nhớ kỷ hình phạt này.

Nghĩa bỏ máy nhìn hai binh sĩ đến gần. Theo lệnh của Nghĩa, họ giao súng lại cho các bạn đồng đội. Mỗi người chỉ còn giữ một trái lựu đạn và con dao găm.

Nghĩa bực dọc nói :

— Các anh đi về ngay biệt khu đợi lệnh. Lần sau đừng có tái phạm.

Hai binh sĩ phạm lỗi còn đứng tần ngần.

Nghĩa quát :

— Đi luôn. Còn chần chờ gì nữa?

— Chúng tôi xin đi theo hành quân.

— Không được. Tiểu đoàn trưởng đã cấm các anh đi theo. Đừng xin nữa vô ích.

— Nghĩa nói dứt câu, hai binh sĩ lủi thủi vào rừng. Tự nhiên Nghĩa thấy thương mến và cảm phục họ. Hành động của họ lúc này thực can đảm, dũng mãnh, bất chấp những nguy hiểm đang đợi chờ họ.

Hai con người bơ vơ ở giữa rừng, ngay trên phần đất của địch, vũ khí quá đơn sơ, chỉ làm mồi cho cái chết.

Nhưng chính bản năng họ đã thắng tất cả, từ nội tâm, đến ngoại giới. Những người có mặt chứng kiến hình như không có ý nghĩ gì khác ngoài sự kinh ngạc về hành động gan lì của hai người lính.

Cuộc hành quân tiếp diễn đến ngày thứ sáu. Mật khu của địch rộng hàng trăm cây số vuông, không thể nào đi hết. Các cánh quân khám phá và thiêu hủy thêm một căn cứ địch trước khi rút về.

Trở lại đại đội, Nghĩa trông thấy thấy hai binh sĩ khỏe mạnh và tươi cười. Chàng nắm chặt vai từng người hỏi :

— Có sao không ?

Một anh mạnh dạn đáp :

— Không sao cả. Chúng tôi không bỏ mạng giữa rừng mà còn tóm được một tên V.C đi trình sát lễ, Thiếu úy ạ !

Nghĩa không nói năng. Thân thể chàng mệt mỏi đến độ rã rời. Chàng không buồn nghĩ đến chuyện gì khác và chỉ muốn được hoàn toàn thanh tịnh, trong một phút, một giờ cũng đủ.

NGUYỄN ÁI-LŨ

NGƯỜI TRỞ VỀ

1

BÁC Sáu gái sai con Năm lấy cây đèn Manchon treo trên xà nhà xuống, lau chùi cho thật bóng rồi đổ đầy dầu lửa. Bác cố kìm hãm mà niềm vui vẫn hiện lên nét mặt khiến nụ cười rộng mở trên môi. Thăng Tân, con trai bác mới hết nhiệm kỳ quân dịch trở về. Bác không vui sao được.

Chốc chốc, bác lại triu mẩn nhìn về phía bác Năm trai và Tân đang khề khà uống rượu với những đĩa thức ăn đầy ắp. Tân đã có vẻ chững chạc lắm rồi. Trông Tân cao lớn hẳn lên. Nước

da có đen nhưng lại là cái đen khỏe mạnh. Nhớ hồi nào Tân người gầy như que củi, xách gói quần áo ra đi. Thế mà mau thật. Mau đến nỗi bác không ngờ nổi. Bác cứ tưởng đời lính cực nhọc, ăn uống kham khổ, thằng con trai yêu quý của bác không chịu nổi. Có lần bác tưởng tượng rằng Tân sẽ ho lao, đau gan, đau ruột vì lao lực. Thế mà ai ngờ được ! Bác mỉm cười và thầm ngưỡng ngáp vì đã quá lo âu hao huyền.

Con Năm đã thắp xong đèn, mang lên. Bác Năm gái phụ giúp nó treo đèn. Rồi bác đi lại phía bộ ván ngồi xuống bên cạnh chồng. Ánh đèn rực rỡ và ấm cúng lạ. Bác dăm dăm nhìn con trai như muốn nuốt trọn dáng người vạm vỡ của nó. Tân mỉm cười :

— Má làm chi mà ngó con dữ vậy ?

Bác Sáu trai cười ròn rã đáp thay lời vợ :

— Ờ... bả nhớ mầy quá mà Hai...

Con Năm cũng xen vào :

— Anh Hai à... Hồi này anh mập ghê... Chị Cúc mà thấy anh thì chỉ thương hết mình...

Bốn người cười vang. Bác Sáu trai khề khà :

— Ờ... Tụi tao cũng tính chuyện vợ con cho mầy rồi đó Hai à... Có vợ rồi mới lo làm ăn chứ...

Tân lắc đầu, cười nụ :

— Gặp gì ba... Để con xem công việc ra sao đã...

Bác Sáu gái nghiêm giọng :

— Mầy làm như còn con nít không bằng... Tụi tao đã tính trước rồi... Đầu tháng này làm lễ hỏi rồi tháng sau cưới đó... Lấy con Cúc chắc mầy đâu có chê...

Mặt Tân đỏ lên :

— Chê thì không chê nhưng gấp gì má! Minh cứ để từ từ rồi lo liệu.

— Ờ thôi cũng được... Hôm nay nhân ngày vui tao nói luôn cho mầy biết...

Con Năm bồng hỏi Tân :

— Anh Hai à... Đi lính cực không anh Hai ?

Tân cười :

— Ờ vui lắm... Tao khoái đời lính ghê... Nếu ở ngoài khó làm ăn có lẽ tao cũng tính nguyện vô lính lại... Đi lính mình có lương đều đều mỗi tháng... Rồi đi đây, đi đó, chỗ nào cũng biết... Bạn bè cũng dễ thông cảm nhau, vui hồng chịu được... Các cô gái lại mê lính nữa..

Con Năm tỏ vẻ không tin :

— Sao em nghe nói đời lính cực lắm. Cấp trên hà hiếp, đi hành quân tối ngày, vui gì mà vui.

Tân hăng hái bào chữa :

— Tụi nó chỉ nói bậy... Bộ anh nói em không tin sao? Hồi mới vô lính chưa quen mới thấy cực. Nhưng lâu ngày mình quen đi chứ... Mà con trai phải khổ cực mới thành người được...

Bác Sáu gái xen vào :

NỤ CƯỜI NGOẠI-QUỐC

— Bạn thân khóc làm chi. Chiếc tàu đầu phải của riêng bạn !

Franc-Rire



TIEN-PHONG

— Cực thì tao hông nói... Nhưng tên đạn biết sao mà ngửa được.

Tân khẽ lắc đầu :

— Má thì lúc nào cũng vậy... Đạn nó tránh mình chứ !

Bác Sáu gái thở dài :

— Mày ăn nói kỳ quá Hai à... Ai cũng sợ súng đạn mà mày lại thích... Thôi dẹp chuyện đó đi...

Tân định cãi lại, nhưng chợt biết không nên nói nhiều trong lúc này. Vì thế Tân đổi hướng sang vấn đề nhà cửa, đất đai. Bác Sáu gái cũng chẳng muốn nhắc tới chuyện súng đạn, lính tráng nữa nên tíu tít kể chuyện đồng áng.

Cả gia đình chuyện trò vui vẻ tới gần nửa đêm mới đi ngủ. Tân trần trọc mãi mà không tài nào nhắm mắt được. Cuối cùng Tân phải mò dậy, đốt một điếu thuốc rồi ra ngồi bên ngưỡng cửa. Tân triu mến nhìn cảnh vật quen thuộc, lòng trùng xuống với những lưu luyến bao la. Quả thật chưa bao giờ Tân thấy quê hương đẹp đến thế. Dưới ánh trăng mười bốn, khu vườn cuối sân mang một vẻ đẹp huyền bí nhưng thân mật, gần gũi lạ. Làn gió đêm nhẹ thoảng đưa lại phía Tân mùi hoa bưởi thơm ngọt ngào. Tân nhớ tới những đêm cùng đồng đội mò

mắm trong rừng sâu, bất chợt nghĩ về gia đình. Để những ngón tay xiết chặt trên thân súng. Tân đã hiểu rõ từ lâu rằng trong tình thế này nhiệm vụ những người con trai như Tân phải lo bảo vệ quê hương một cách thiết thực. Bảo vệ bằng súng đạn, xương máu chứ không bằng cách ngày ngày sống an bằng bên gia đình. Vì gia đình yêu mến kia có ba, có má, có con Năm, em gái Tân, là một phần tử của quốc gia. Mái nhà tranh nhỏ bé, cái sân đẹp ánh trăng này, khu vườn trái cây nọ, gần hai chục mẫu ruộng tốt ngoài đồng là một phần tử của quê hương. Tất cả đều là đất Việt. Tân đã hiểu rõ điều đó. Tân đã biết nghĩ đến cái gia đình rộng lớn Việt-Nam. Nỗi buồn trông đợi, sự lo âu về Tân của gia đình thì quá nhỏ bé so với niềm đau của đất nước.

Không, Tân đã quyết định. Tân sẽ tình nguyện xin tái ngũ. Tân không chỉ muốn làm trọn nhiệm vụ của một thanh niên. Tân muốn làm hơn thế nữa. Tân muốn được tiếp tục tranh đấu cho sự sống còn của dân tộc.

Ngày được lệnh giải ngũ, thú thực Tân cũng mừng lắm. Mừng vì được trở về với gia đình. Mừng



vì gặp lại người yêu sau bao năm
ngần cách mà những cánh thư
vụng dại thỉnh thoảng gửi về
chưa nói lên trọn vẹn được tình
yêu thương của Tân. Cho tới bữa
tiệc chia tay, Tân mới cảm thấy
buồn và lưu luyến cái không khí
đầm ấm của Tiểu đoàn. Những
thằng bạn thân đã ngậm ngùi cầm

tay Tân nói lời tiễn biệt. Những
lời nói mộc mạc đơn sơ mà hay
bằng trăm vạn những cuốn tiểu
thuyết. Khuôn mặt Định, Hải, Sinh
hơn lúc nào hiện ra rõ rệt trong
trí óc Tân. Dù chỉ là bạn đồng
ngũ mà thân thiết nhau gấp trăm
lần họ hàng. Tân nhớ lại dạo Tân
bị sốt rét phải vào nằm bệnh viện.

TIỀN-PHONG

Mỗi lần Hải đến thăm, Tân đã
dưng dung nước mắt vì cảm động.
Dù nghèo túng, Hải cũng gắng
mua cho Tân một gói Ruby làm
quà.

Còn Định nữa. Có lần Tân đánh
mất một bộ đồ trận. Định đã cố
xoay sở cho Tân một bộ khác.
Mãi về sau Tân mới biết Định bỏ
tiền ra mua để tặng mình.

Thôi thì bao nhiêu kỷ niệm vui
buồn. Những buổi hành quân hết
thuốc hút, bốn đứa chung nhau
kéo một điếu thuốc rê. Những
đêm phục kích nằm co mình dưới
trời mưa tầm tã. Những buổi tối
về thành phố giết nhau lang thang
ngoài chợ hay vào một quán nào
nhậu nhẹt. Những lần chạm súng
với địch, che chở cho nhau di
chuyển.

Điếu thuốc đầu tay đã tàn, Tân
mời tiếp điếu khác. Trong khi đó
cảm nghĩ Tân vẫn chạy đuổi theo
những ngày tháng còn khoác áo
chinh nhân...

Tân nhớ đến dãy nhà tôle thấp
lè tè trên mái, trên vách loang
lổ dấu vết nắng mưa. Nền bằng
đất, hễ cứ mùa mưa thì đầy sinh
vì... mọi người mang từ sân vào.
Và mỗi chiều hay sáng thứ bảy,
Thiếu úy Đại Đội trưởng xuống

khám doanh trại là phải nhăn mặt.

Tân lầm bầm:

— Ờ, ông thật dễ thương!

Tân quên sao được khuôn mặt
xương xương của vị Đại đội trưởng.
Ông còn trẻ, độc thân nên thương
binh sĩ như anh em một nhà. Ông
lại chịu chơi quá trời. Hết giờ
làm việc hay không đi hành quân
là luôn luôn chuyện trò với anh
em. Đụng trận thì lì một cây. Mà
cũng hắc không chịu được. Có
lần ông đã toan bắn một chú
tân binh vì quá nhát.

Rủi có binh sĩ nào bị thương
hay tử trận, ông buồn ghê. Ông lo
lắng việc chôn cất rồi thăm viếng
thương binh, quà cáp đủ thứ. Ông
cũng binh vực quyền lợi binh sĩ hết
mình. Ai mà chẳng mến ông!

Tân chợt giật mình vì tiếng bác
Sáu trai vang lên phía sau lưng:

— Chưa ngủ à Hai?

Tân cười nhẹ:

— Dạ không ngủ được ba à...
Con nhớ mấy người anh em quá...

Bác Sáu trai khế thờ dài:

— Thôi đi ngủ đi, Hai... Tao biết
mày lại muốn đi nữa rồi...

Tân đưa gói thuốc cho cha

— Hút thuốc ba...

Bác Sáu trai rút một điếu rồi quẹt lửa. Kéo một hơi dài thở ra khoan khoái, bác nói :

— Bastos đồ ngon ghê há Hai...
Thơm hơn thuốc rê nhiều... Lính xài sang thiệt !

Tân cười :

— Có sáu đồng một bao ba à ...
Ở ruộng tiền đâu mà hút thứ này...

Bác Sáu trai không nói gì. Đốt lửa ở đầu điếu thuốc thỉnh thoảng búng sáng để lộ trên khuôn mặt cần cỗi của bác những nét suy tư. Hút gần nửa điếu thuốc bác đăng hăng hỏi Tân :

— Nè Hai... Tao cũng không ngăn mày đâu... Nhưng mày phải

cười vợ rồi ở nhà vài ba tháng đã...

Tân cảm động nhìn cha :

— Dạ, con cũng tính vậy...
Nhưng ba nói giúp với má nghe...
Thấy bà khóc chắc con không dám nói thẳng đâu... Mà con thì quyết định rồi...

Bác Sáu trai khẽ gật đầu :

— Ờ... Thôi đi ngủ đã...

2

Cúc nằm xích lại gần Tân, thăm thĩ :

— Anh đã quyết định rồi à ?

Tân nhìn sâu vào mắt vợ :

— Ờ... Em nghĩ vậy có phải không?

Cúc im lặng nhìn chồng. Một lát sau nàng mới khẽ nói :

NỤ CƯỜI NƯỚC NGOÀI



— Thằng nhỏ viết chữ như gà bới !

— Lo gì ! Minh sẽ cho nó làm Bác sĩ !

— Cái đó là tùy anh... Nhưng gấp chi vậy... Anh ở nhà cỡ nửa năm nữa đã...

Tân cương quyết:

— Bốn tháng rồi còn chi nữa em... Mỗi lần đọc báo thấy chiến thắng lớn, anh buồn ghê lắm... Anh tự hỏi sao không có anh san sẻ, đóng góp vào sự chiến thắng đó... Em đừng lo... Khi anh tới đơn vị rồi, anh sẽ lo nhà cửa rồi rước em vô luôn.

Cúc hỏi:

— Còn ba má đã già thì sao?

Tân mỉm môi lại:

— Thì bốn năm tháng mình về thăm ông bà được rồi... Thời chinh chiến mà em... Ai cũng ham ở nhà sống yên vui với vợ con thì mất nước à?

Cúc không nói gì nữa. Những giọt lệ chảy dài theo đôi mắt Cúc. Tân vòng tay ôm ngang thân hình quen thuộc của vợ và cũng là người yêu của Tân, thầm thì:

— Đừng buồn em à... Em thương anh thì nên thông cảm với anh. Mình còn trẻ, đời còn dài mà... Nếu ngày nay mình trốn tránh trách nhiệm thì mai một túi hồ với con cháu lắm...

Cúc thồn thức:

— Anh đã làm tròn bổn phận rồi mà...

Tân cười nhẹ:

— Chưa đâu... Anh mới làm tròn bổn phận mà chính phủ ấn định thôi... Nhưng anh muốn nói đến bổn phận của người trai trước hiềm họa đất nước cơ...

Cúc vẫn chưa chịu:

— Bộ thêm anh thì đất nước mau hòa bình sao?

Tân vẫn giữ nụ cười trên môi:

— Đâu có... Một mình anh thì ăn thua gì... Nhưng một ngàn, chục



ngàn, trăm ngàn người như anh thì sẽ cứu nguy cho đất nước được ngay...

Cúc giận dữ:

— Có mình anh vậy chứ người khác được "trở về gia đình đời kiếp nào họ lại tình nguyện vô linh nữa...

Tân xiết chặt vợ hơn, hôn nhẹ lên gò má nàng:

— Em làm rồi... Anh tin chắc sẽ rất nhiều người như anh... Vì các anh đã sống với quân ngũ, đã hiểu sự đóng góp của các anh là cần thiết cho đất nước.

— Đất nước đâu chẳng thấy. Em chỉ thấy gia đình cần anh ở lại.

— Em nói kỳ quá... Trong khi anh đang nằm bên em ở đây thì trên khắp đất nước có bao nhiêu người đang đổ máu xương cho anh được yên ổn... Gia đình ai chẳng quý trọng và lưu luyến. Nhưng nếu địch xâm chiếm hết miền Nam này thì liệu gia đình mình còn không?

Biết khó lay chuyển được ý chồng, Cúc đành im lặng. Cúc nằm suy nghĩ vẩn vơ và thiếp đi lúc nào không biết. Còn Tân vẫn đắm đắm nhìn vợ rồi khẽ thở dài...

Chiếc xe lồi từ từ lăn vào bến. Tân nhảy vội xuống đất, ngơ ngác nhìn chung quanh. Một tấm biểu ngữ vải trắng căng vắt ngang một ngã tư: «Hoan hô đoàn quân bách thắng». Gần đó một tấm biểu ngữ khác với hàng chữ: «Toàn dân hân hoan đón mừng những đứa con kiêu dũng của đất nước».

Bỗng dưng Tân thấy buồn lạ. Các chiến hữu ngày xưa chiến đấu gian khổ, vẫn liên tiếp lập những chiến công hiển hách. Trong khi chàng, trở lại nếp sống dân sự, dù được an bằng cho thân xác nhưng bỗng dưng lại lu mờ hẳn đi. Như một ngôi sao nhỏ bé trong trăm ngàn triệu ngôi sao trên bầu trời. Chàng lu mờ dần trong đáy mắt những người chung quanh... Còn đâu nụ cười rộng mở, ánh mắt tươi vui ân cần chào đón của người hậu phương mỗi lần chàng từ trận địa trở về mang cho mọi người món quà vô giá: chiến thắng vinh quang!

Còn đâu những lúc bên chén rượu vui miệng kể lại những thành tích chiến đấu anh dũng...

Tân chợt giật mình vì có tiếng ai thật quen thuộc gọi tên chàng:

— Tân ! Tân !

Tân ngoảnh lại phía sau. Kim một người bạn cùng đơn vị ngày xưa được giải ngũ cùng một ngày với chàng tươi cười rào bước lại phía Tân.

Hai người tay bắt miệng cười thật vui vẻ. Kim chợt hỏi : -

— Đi đâu vậy mày ?

Tân cười nhẹ :

— Đi đăng lính ! Còn mày ?

Kim vỗ mạnh vai Tân :

— Tao cũng vậy... Ồ ! Vui thật ! Mới ra xi-vin chưa đầy nửa năm mà tao thấy chán quá... nhớ tiểu đoàn ghê...!

Hai người sánh vai nhau đi về phía phòng đọc sách. Ở đó có văn phòng tuyển mộ tân binh.

Giọng Kim thành thật :

— Không biết mày sao chờ tao... ghiền đời quân nhân rồi, Tân à ! Vui, buồn đều có, nhưng nó hợp với bản tính kiêu hùng của tui mình hơn... Tao mê nhất là cái cảnh sau mỗi lần hành quân, trở về thành phố, vui biết mấy là vui. Thấy cái gì cũng đẹp cái gì cũng hay. Còn về đây, sống trong thành phố hoài thấy chán ngắt. Ngày thì dài lê thê, buồn thúi ruột !

Tân cũng góp ý :

— Đời lính sướng thật há, Kim !

Kim gục gặc cái đầu. Tân chợt hỏi :

— Mày vợ con gì chưa ?

Kim cười :

— Chưa. Tao không muốn vướng

Nga xô làm đáng cho đồ sản xuất

Trong những triệu chứng đánh dấu khúc quanh xã hội kinh tế và hiện trạng « trường giả hóa » của Liên xô, triệu chứng đáng chú ý nhất có lẽ là Nghị hội mỹ thuật kỹ nghệ lần đầu tiên nhóm tại Mạc tư Khoa, hồi tháng 6 vừa qua. Mối lo về bộ mặt những đồ sản xuất ra từ nay thuộc chánh sách kinh tế nhà nước. Một nghề mới đang xuất hiện ở Nga xô, nghề « trang trí viên » và « nhân viên làm đáng » hoạt động từ nghề kiến trúc đến nghề sản xuất khai cụ, từ cây bút máy đến xe mô tô. Một hiện tượng khác của thời đại : việc bán những thực phẩm sẽ được « thúc đẩy » bằng quảng cáo theo phương pháp Tây phương.

chân vương cặng mây ơi. Còn mây ?

Tân cười nhẹ :

— Rồi, hơn ba tháng nay... Bà khóc muốn hết nước mắt khi biết tao nhất định tái đăng mây ơi...

— Ừa... Ai mà chẳng vậy, nhưng mai mốt quen đi mà... À quên, hai bác mạnh không mây ?

— Ông bà như thường ngày vậy thôi...

Giọng Kim trùng xuống :

— Thế là được rồi...

Nắng đã lên cao lắm. Hai người vô tình đi đều bước y như những

buổi diễn hành. Tân và Kim chợt cùng nhận thấy điều đó. Cả hai nhìn nhau mà cười. Nụ cười mang một vẻ kiêu hãnh nào đó. Niềm kiêu hãnh của những đứa con đất nước nhận thức được trách nhiệm của mình...

Thoảng đâu đây từ máy phát thanh nhà ai một bản nhạc hùng. Hình như bản nhạc đó dành riêng cho Tân và Kim.

Vì trong lòng họ cũng đang trôi dạt những hào hùng muôn đời của nòi Hồng Lạc...

Những ngày dưỡng thương
NGUYỄN-VŨ

TP số 3 tháng 9-65

Một tân binh, trong lúc thực tập hành quân, đã làm mất cây súng của mình. Ông Thượng sĩ Đại đội mắng anh ta và nói :

— Chú mày sẽ nhận 15 ngày tù quân và giá tiền của cây súng sẽ bị trừ vào lương hàng tháng.

— Ồi chao, cậu tân binh rên rỉ, hơi nặng đấy !

— Vậy chứ sao, ông Thượng sĩ trả lời. Mày là chú mày không đánh mất một chiếc thiết giáp xa đấy.

Anh tân binh suy nghĩ một chập và nói nhỏ :

— Bây giờ mình mới hiểu tại sao khi tàu chìm ông thuyền trưởng chịu chết theo chiếc tàu.

(TP số 13)

Trước giờ lâm trận

TẶNG CHU-VƯƠNG-MIÊN

CHÚNG con đã về đây
Năm mai phục trên cánh đồng của mẹ.
Từ lúc sương chiều vừa tan
Đất dậy nồng hương gốc rạ
Người cuối cùng trong bọn chúng con
Đã vượt qua kinh băng rẽ lối mòn
Lặng lẽ như từng bóng ma
Chập chờn trong đêm mờ ảo !
Trăng thượng tuần xô nghiêng mũ lười
Mồ hôi lặn giọt sương trong
Trời đã gần khuya, công sự vừa xong
Mắt chờ đợi dõi theo từng bóng giặc...
Mẹ đã ngủ hay chưa,
Đèn nhà ai kia còn thấp
Trẻ nhà ai lạc vú sữa nghèo ?
Hầm của mẹ vững không
Đêm nay súng nổ đạn reo
Xin đừng run mẹ nhé !
Đã bao đêm rồi mắt già trũng lệ

Mà chúng con về không kịp báo mẹ hay !
Rằng chưa tiện báo mẹ hay
Khi liềm trăng non vừa khuất
Khi tên lính cuối cùng trong toán giặc
Lọt vào tầm súng tay con
Là cuối chân đê cho đèn đầu làng
Đạn sẽ xé tung trời
Bom sẽ găm dây đất !
Hỏa châu sáng một góc trời đỏ rực
Soi rõ từng tên, con nhăm từng tên
Soi rõ xóm thôn có bóng dân hiền
Cho bạn con không nhăm nhà của mẹ...
Đã bao đêm trường mắt già trũng lệ
Son sắt mẹ chờ
Chỉ một đêm nay !...



Buổi chúng con chưa trở về đây
Vườn trầu mẹ sao mà tàn úa ?
Hàng cau héo vượn mình trơ cuối hạ
Nương dâu buồn rũ lá bãi hoang vu
Con trâu xanh đói cơ đứng ven bờ
Đứa bé bụng to trần truồng trưa nắng,
Mười trẻ mồ côi, dăm bà tóc trắng
Lỗi đi nào tranh được hồ gài chông ? !
Ngày hỡi hùng, đêm mã tâu dao găm
Sáng sớm loa kêu chiêu mộ giặc !
Chuồng lợn trống trơn, đàn gà ai giết
Gạo ai thu lúa ai góp dâu rồi ?

Nước mắt chan cơm, cơm không đủ nuôi người
Người đâu mắt ? mẹ làm sao bám sông
Tiếng đau thương gào ã lạc giọng
Nỗi lảm than chiu nặng khối căm hờn !
Kiên nhẫn mẹ chờ từng bước chúng con
Chúng con trở vì đường xuôi nẻo ngược.
Mẹ ơi mẹ ! bao nhiêu tình yêu nước
Là bấy nhiêu tình yêu mẹ xa xôi
Trăm vạn khổ đau sẽ được đền bồi
Nghìn thương nhớ con mang về đây cả...
Mẹ hãy ru cho cháu đừng khóc sữa
Giờ vinh quang sẽ đến kịp bình minh !



Lát nữa đây

Trong chúng con sẽ có đứa hy sinh
Giặc gục trăm tên, ta vùi bạn ngã !
Máu hồng chảy thấm quê hương
Máu sẽ tưới trên đồng thơm gốc rạ
Mẹ lại cấy cày, lúa lại đơm bông
Mẹ bới chén cơm gạo mới thơm nồng
Luộc đĩa rau lang, nướng cà dầm mắm...
Đoàn quân đã đi xa từ sau chiến thắng
Chưa trở về để mẹ mỗi mòn trông
— Các con chưa về, nhớ mẹ nhiều không...

PHAN-TRÚC-VIÊN

(Dạ chiến)

Ài địa đầu

Soè bàn tay anh đón gió qua sông
Gió bật cầu vai gió lồng nách áo
Mưa lâm tằm phủ dày mi mắt đỏ
Hồn chìm sâu trong quá khứ thời gian
Lá chuối ai phơ đầy ngả Trung-Lương
Ai vượt nệp trên bờ sông nước trắng
Ai đứng ỉu mình trên cầu cảm lặng
Hai màu sơn đề chầu nhịp vô tri
Có nghe anh? — ôi một chuyến trở về
Người ra đi có được quyền mơ ước??
Người mất quê hương đã nghìn đêm mơ ước!



Hy vọng dâng cao mùa đi thứ nhất
Nỗi buồn lắng sâu mùa xa thứ hai
Niềm tin tan vào mùa ly hương thứ ba
Và anh đã lên đường
Sau bảy năm mòn mỏi đợi...
Mẹ anh bên kia... (gió lồng lộng thổi)
Nhà anh bên kia... (mưa lất phất bay)
Ôi miền Nam, miền Nam
Và một nửa miền Trung - nắng ảm vẫn đây
Xuân có đẹp nhưng thiếu nhiều hương vị!



Đừng buồn thêm
Kỷ niệm no rồi anh nhé
Hãy uống cho đầy gió bắc mưa ngâu
Mình xa nhau năm năm
Xuân nay có gì để nói
Cùng về đây Tìm-Quê-Hương-nơi-Ài-Địa-Đầu

PHAN TRƯỚC VIÊN

